

Tác Giả và Tác Phẩm

Bùi Giáng (III)

Đi vào cõi thơ



Mục Lục

Tuệ Sỹ - Trương Cam Vũ - René Crayssac
Huy Cận – Nguyễn Du – Hồ Xuân Hương
Ngoạ Long Sinh - Rimbaud - Paul Eluard
Mai Văn Thu - Trần Cũ Một - Vương Quốc Quyền
Tiêu Quỳnh - Lục Vân Bình - Xuân Diệu
Chê Lan Viên - Nguyễn Trãi - Nguyễn Sa
Đỗ Long Vân - Nhất Hạnh - Trần Trọng Kim
Chu Mạnh Trinh - Thanh Tâm Tuyền – Thế Phong
J. Leiba – Bùi Như Sơn - Phạm Quang Bình
Nhượng Tống - Dương Minh Loan - Huy Tưởng
Kiên Giang - Nguyễn Du và Hegel - Tản Đà
Emily Dickinson - Dylan Thomas – Walt Whitman
Tạ Ký - Thùy Dương Tử

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Đi vào cõi thơ

Tựa

Đi vào cõi thơ theo lối ngẫu nhiên tao ngộ. Cơ duyên sẽ dun dủi... Chẳng nên gò ép cưỡng cầu. Người viết sách này có dụng tâm không sắp đặt theo thứ tự thứ loại thường thấy. Những bài thơ đến rồi đi. Lời “nhận định” cũng đi rồi đến...

Tuệ Sỹ

Tuệ Sỹ là một vị sư. Ông viết văn nghiêm túc, những sở tri của ông về Phật học quả thật quảng bác vô cùng. Thấy ông vẽ người khắc khổ, không ai ngờ rằng linh hồn kia còn ẩn một nguồn thơ thâm viễn u u ...

Một bữa ông đọc cho tôi nghe hai câu thơ chữ Hán của ông:

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy
Hiện tiền vị liễu lạc hoa phi*

Ông bảo làm sao tiếp cho hai câu để nên một bài tứ tuyệt.

Tôi đề nghị với ông nên nhờ ni cô Trí Hải tiếp giùm. Ông ngượng ngịu bảo tôi đừng nên rỡ đùa như thế. Vậy tôi xin lai rai thử viết:

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy
Hiện tiền vị liễu lạc hoa phi
Phiêu bổng tâm sự tân toan lệ
Trí Hải đa tà trúc loạn ty*

Và xin ông chớ nên lấy thế làm bực mình.

Nhưng có ai ngờ đâu nhà sư kín đáo e dè kia, không hề bao giờ có vương lụy, lại còn mang một nguồn thơ Việt phi phạm? Một bài thơ “Không đề” của ông đủ khiến ta khiếp vía mắt ăn mắt ngủ:

*Đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cũ.
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn...*

Mới nghe bốn câu thôi, tôi đã cảm thấy lạnh buốt linh hồn, tê cóng cả cõi dạ.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan
Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng
Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ*

*Bụi đường dài gót mỗi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối nguồn xa ngược nước xuôi ngàn.*

Tôi hoảng vía đề nghị: Đại sư nên gác bỏ viết sách đi. Và làm thơ tiếp nhiều cho. Nếu không thì nền thi ca Việt mất đi một thiên tài quá lớn.

Ông đáp: - Để về hỏi lại cô Trí Hải xem có đúng như lời thế chẳng.

*Đôi mắt ướm tuổi vàng
Cung trời
Hội cũ*

Xin viết xuống giòng thư thả như thế. Ất nhìn thấy chất trang trọng dị thường của hoài niệm. Hoài niệm gì? – Cung trời hội cũ. Một hội đạp thanh? Một hội nao nức? – “Giờ nao nức của một thời trẻ dại?”.

Đôi mắt ướm tuổi vàng cung trời hội cũ...

Mở lời ra, nguồn thơ trực nhập vào trung tâm cơn mộng chiêm niệm. Đầy đủ hết mọi yếu tố bát ngát: một cung trời xán lạn bao la, một hội cũ xao xuyến, một tuổi vàng long lanh... Một đôi mắt ướm ngậm ngùi của hiện tại.

Nhưng mạch thơ đi ngầm. Tiết nhịp âm thầm nhiếp dẫn. Thi sĩ không cần tới một hình dung từ nào cả, vẫn nói được hết mọi điều “*phải nói*” với mọi người “*muốn nghe*”, với riêng mình “*không thiết chi chuyện nói*”.

Người thi sĩ xuất chúng xuất thần thường có phong thái khác thường đó. Họ nói rất ít mà nói rất nhiều. Họ nói rất nhiều mà chung quy hồ như chẳng thấy gì hết. Họ nói cho họ, mà như nói hết cho mọi người. Nói cho mọi người mà cơ hồ chẳng bận tâm gì tới chuyện thiên hạ nghe hay là chẳng nghe.

Nỗi vui, nỗi buồn của họ, dường như chẳng có chi giống nỗi vui buồn của chúng ta. Do đó chúng ta trách móc họ một cách lệch lạc hết cả - par manque de justice interne.

Trong một cuộc vui, ta hỏi họ vài điều. Họ lơ đãng thờ ơ, ta tưởng họ kiêu bạc. Trong lúc mọi người đang gào khóc giữa một đám tang, họ phiêu nhiên đi qua, trông có vẻ như mỉm cười, niêm hoa vi tiếu. Ta tưởng họ tàn nhẫn thô bạo.

Vua Gia Long ngày xưa đã từng lấy làm quái dị về thái độ Nguyễn Du: - “Trẫm dùng người, không phân biệt kẻ Nam, kẻ Bắc. Ai có tài thì trẫm trọng dụng (.....) Cớ sao khanh lại u sầu ít nói suốt năm như thế?”.

Ông vua kia lấy làm lạ là phải lẽ lắm, hợp với lương tri thói thường thiên hạ lắm. Ông không thể hiểu vì sao vị di thần kia cứ miên man như nằm trong cõi mộng thần di, hồn dịch!

Vua đã ban cho chan hòa mưa móc, ơn Thánh Đế đã dồi dào với Liệp Hộ như thế, lộc trọng quyền cao đặc ân thâm hậu như thế, cớ sao Liệp Hộ chưa vừa lòng, vẫn cứ như thả mộng chạy lang thang về chân trời hướng khác.

Đáp: Ấy chính bởi đôi mắt nhìn đây mà thấy những đâu đâu.

*Đôi mắt ướt tuổi vàng
Cung trời hội cũ.*

Đôi mắt ướt? Đôi mắt của ai? Vì sao ướt? Vì lệ trào, hay vì quá long lanh?

Thi sĩ không nói rõ. Ấy là giữ một khoảng trống vắng lặng phóng niệm cho thơ.

Tha hồ chúng ta tự do nghĩ hai ba lối. Hoặc là đôi mắt thi nhân ướt trong hiện tại vì nhớ nhung một trời hội cũ.

Hoặc là đôi mắt giai nhân nào long lanh dịu mật như nước suối chan hòa, soi bóng một khung trời hội cũ bất tuyệt nào, mà ngày nay tại hạ đã đánh mất rồi chăng?

Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang...

Áo nào màu xanh? Màu xanh màu chàm của cô gái Mán gái Mường, gái núi nào xưa kia băng rừng và thi nhân đã ngẫu nhiên một lần nhìn đắm đuối?

Tôi nói không sai sự thật mấy đâu. Vì Tuệ Sỹ vốn xưa kia ở Lào. Cha mẹ ông kiều cư trên đất Thượng Lào Trung Việt. Bà mẹ ông thỉnh thoảng cũng có về Sài Gòn tới chùa viếng ông, đem quà cho ông một đôi giép riêng biệt, một tấm khăn quàng riêng tây.

*Đôi mắt ướt tuổi vàng
Cung trời hội cũ
Áo màu xanh
Không xanh mãi
Trên đồi hoang*

Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ. Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn.

Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ?

Mình là thân bồ tát, quanh năm kinh kệ trai chay, thế sao bỗng nhiên một phút vội vã lại dám làm thân du thủ? Dám gác bỏ kệ kinh? Dám mở cuộc thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn?

Phải có nhìn thấy gương mặt khắc khổ chân tu của Tuệ Sỹ, mới kinh hoàng vì lời nói thăm thẳm đơn sơ nọ. Lời nói như ngân lên từ đáy sâu linh hồn tiền kiếp, từ một quê hương trên thượng du bao la rừng núi gió sương canh chiều nguyệt rung rinh trong đêm lạnh.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan
Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng.*

Mối tình rộng thả suốt biển non im lìm lạnh lẽo. Một hạt muối vẫn chưa tan. Một nếp u ầu của lòng mình bơ vơ không gột rửa.

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan*

Ta tưởng như nghe ra “cao cách điệu” bi hùng của một Liệp Hộ, một Nerval, một chỗ trầm thanh nhất trong cung bậc Nietzsche.

Thi nhân đã mấy phen ngồi ngó trăng tàn? Ngồi trên một đỉnh đá? Bồn bề rừng thiêng giăng rộng ngút ngàn màu trắng xanh tiếp giáp tới chân trời xa xuôi đại hải?

Đỉnh đá và hạt muối là hai chốn kết tụ tinh thể của núi và biển. Đỉnh đá quy tụ về mọi hương màu trời mây rừng rú. Hạt muối chứa chất cái lượng hải hàm của trùng dương. Đó là cái bất tận của tâm tình dừng sống tại giữa tuế nguyệt phiêu du:

*Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng*

Một tiếng “buồn chẳng” lơ lửng nửa như chất vấn, nửa như ngậm ngùi ta thán, diu về cả một khúc tân thanh đoạn trường:

*Sen tàn cúc lại nở hoa
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân
Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh*

Tiết nhịp lời thơ lại biến đổi:

*Đếm tóc bạc
Tuổi đời
Chưa
Đủ
Bụi đường dài
Gót
Mỗi
Đi
Quanh*

Tiết điệu cũng rời rạc như gót mỗi đi quanh. Một tuổi đời chưa đủ? Một tuổi Xuân chưa vừa? Một tuổi vàng sớm chấm dứt? Một tuổi “đá” sớm già từ mọi yêu thương?

*Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối nguồn xa
Ngược nước
Xuôi ngàn...*

Bài thơ dừng lại. Dư âm bất tuyệt kéo dài trong đêm lữ thứ khép mình trong bốn bức tường

vô nhật nhòa ủ rữ ngực tù.

Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ từ Đường Thi Trung Hoa tới Siêu Thực Tây Phương.

Trương Cam Vũ

Trương Cam Vũ là người thi sỹ đã dịch *Truyện Kiều* ra Hán Thi.

Bản dịch đạt tới mức tối đa của tinh thể Hoa Thi. Chúng tôi đã bàn nhiều trong tập *Mùa Xuân Trong Thi Ca*. Ở đây không tiện nói nhiều.

René Crayssac

René Crayssac là thi sỹ Pháp đã đem *Truyện Kiều* dịch ra thơ Pháp.

Bản dịch huyền diệu ở chỗ: Ông đã đòi hỏi ở Pháp Ngữ một thể điệu nào Pháp Ngữ vốn không có, và đừng một cái, Nguyễn Du trong bản Pháp mang đầy rẫy tinh thể Cựu Hy Lạp Homère.

Sự tình này được đề cập tới trong tập *Mùa Xuân Trong Thi Ca*. Ở đây không tiện nói nhiều.

Huy Cận

*Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa
Yêu một người ta dâng cả tình thương*

Câu thơ đó dường như là cái chìa khóa mở đường vào cung thành Lửa Thiêng.

Huy Cận chẳng khi nào trực tiếp nói tới tình yêu một cách quay quắt sôi cuồng như Xuân Diệu, hoặc tràn lan ra như Nguyễn Bính.

Huy Cận kín đáo ngậm ngùi. Và thỉnh thoảng vài lời chân thành thăm thẳm của ông bỗng xô nguồn thơ tình yêu kia vào một cõi thống thiết cổ kim chưa từng có.

*Bóng đêm tỏa không lấp niếm thương nhớ
Tình đi mau sầu ở lại lâu dài
Ta đã để hồn tan trong tiếng thở
Kêu gọi người đưa tiễn nổi tàn phai*

Bốn câu đơn giản thiết tha đôn hậu thượng thừa như thế, chính là vùng khí hậu riêng biệt để toàn thể cuốn *Đoạn Trường Tân Thanh* Nguyễn Du đi về ngưng tụ hết mọi màu hương vang bóng.

Huy Cận là người đồng quận Nguyễn Du – Hà Tĩnh. Sông núi non nước kia đẹp dị thường.

Và con người đất nước kia sống lặn độn làm ăn cày cấy cũng cực nhọc dị thường. Giữa phong cảnh và con người từ đó liên miên có một cuộc đối thoại thiết tha không lời, về một nỗi bất khả tư nghì. Tình yêu sẽ đưa con người ta tới một cõi xót xa, là căn bản cho một cuộc phát nguyện từ bi, gây dựng nên những thiên tài vô song của Hồng Lĩnh.

Chỉ những thiên tài Hồng Lĩnh mới thành tựu một cuộc Trùng Phục dị thường giữa vũ trụ trời mây phong cảnh.

Phong cảnh trong thơ Huy Cận là một loại phong cảnh đã khiến con người mở những cuộc “Lữ” huyền hoặc của Dịch Kinh. Khổng Tử đã chu du theo một cuộc Lữ dị thường Homère Hy Lạp, mà con người ngày nay không thể nào quan niệm được ra.

*Xa nhau mười mấy tỉnh dài
Mơ màng suốt xứ đêm ngày nhớ nhung
Tâm tình một nẻo quê chung
Người về cố quận muôn trùng ta đi.*

Nguyễn Du đã làm Liệp Hộ. Huy Cận đã đi muôn trùng. Mặc dù các ông có thể ngồi im lìm giữa một triều đình, các ông vẫn cứ thành tựu cuộc “Lữ” như thường, nơi một triều đình khác, riêng ở một góc trời miêu cương mạc ngoại.

*Trông vời trời biển mênh mang
Thanh gương yên ngựa lên đàng ruổi rong.
Dừng cương nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon
Đi rồi khuất ngựa sau non
Nhỏ thừa tràng đặc tiếng còn tịch liêu.*

Tiếng nhỏ thừa tràng đặc đó bằng bạc tịch liêu trong *Lửa Thiêng* cũng như suốt *Đoạn Trường Tân Thanh*, là khởi từ một duyên do uyên nguyên thăm thẳm, mà bấy lâu ta không ngờ tới, nên thường ngạc nhiên tự hỏi vì lẽ gì thơ Huy Cận lại đạt tới hai chóp đỉnh huyền diệu nhất ở hai cõi chên vên: thơ phong cảnh của ông không ai đi kịp; thơ tình yêu của ông khiến mọi thiên hạ đầu hàng.

Tình yêu và lữ thứ, lữ thứ và không gian, đó là những gì quyết định hết nguồn thơ *Lửa Thiêng*. Bao nhiêu màu quan san ly biệt bằng bạc trong *Truyện Kiều*, bỗng nhiên về quy tụ tinh hoa trong một bài “Thuyền Đi” của Huy Cận.

*Trăng lên trong lúc đang chiều
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên
Thuyền đi sông nước ưu phiền
Buồm treo ráng đỏ giông miền viễn khơi*

*Sang đêm thuyền đã xa vời
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh lùg
Canh khuya tạnh vắng bên cồn
Trăng phơi đầu bãi nước dòn mênh mang*

Thuyền người đi một tuần trăng

*Sầu ta theo nước trường giang lững lờ
Tiền đưa đôi nuối đợi chờ
Trông nhau bữa ấy bây giờ nhớ nhau.*

Lời thơ đi phiêu phiêu, tuyệt nhiên không thấy dấu vết một chút kỹ thuật nào còn vương sót. Tưởng như không còn một chút cố gắng tìm lời lựa ý gì hết cả. Nguồn thơ ngập tràn dâng lên nhẹ nhẹ, len lõi thấm nhuần mọi ngôn ngữ ly biệt Nguyễn Du và toàn thể Đông Phương Lữ Thứ, Tây Phương Lang Thang.

Các bạn thử thông dong hình dung lại cái khối Đường Thi Vương Duy, Lý Bạch, Thôi Hiệu, Thôi Hộ, Cao Thích, Sầm Tham, Apollinaire, xem thử có một cái gì lọt ngoài vòng lục bát Huy Cận kia chăng.

Chúng ta quen thói ngóng chạy theo đuôi mọi thứ trào lưu chủ nghĩa, chúng ta tuyệt nhiên không còn giữ một chút tinh thể còn con nào cả để thể hội rằng lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển ba bẫy sông hồ.

Cái thói học đòi vá víu thông thái đã âm thầm giết chết mất máu me thân thể chúng ta. Hết chạy theo đuôi ông Camus, tới chạy theo đít bà Simone Weil, rồi xô ùa chạy theo giò cẳng ông Krishnamurti. Nghĩ rằng cũng đáng tử cho cái kiếp con người. Nhục cho cái phận con người.

Đó chính là cái lỗi của lai rai thượng thừa, của bê bối tối hậu. Tới bao giờ mới chịu đi về giữ áo đười ươi? Hỡi những thằng trung niên sỹ sỹ, và hỡi những đứa chẳng thi sỹ trung niên. Cái trò ma quái lóc lẩn nọ, kể cũng đáng tởm hơn cuộc dập dìu mà Tú Bà đã bố trí cho Nuồng Thúy xưa kia.

Cái tinh thần nô lệ không tự biết mình nô lệ, cái tinh thần ấy nó thấm nhập tủy xương chúng ta đến độ nào, mà mỗi phen chúng ta kêu gào tự do, đòi hỏi tự tại, gào thét tự tôn – càng mỗi phen cho thấy hiện thị lù lù cái linh hồn dĩ điểm.

Chúng ta thà chui vào một cái hang đen ngòm, một cái hang chim đen ngòm, một cái hang chuột đen thui, cam lòng thờ phượng Brigitte, sùng phụng Bardot, chui đầu vào tà xiêm Monroe để nằm ngủ, hơn là phải đi thức tỉnh tự do trong cái bầu khí hậu gớm guốc kia.

Nghĩ cũng kỳ dị thật. Người Việt Nam vốn là người thơ mộng sỹ sỹ nhất thế giới (Chỉ riêng cái màu da vàng Việt Nam thôi cũng đã thơ mộng hơn mọi màu da đen trắng) thì người Việt Nam lại chẳng bao giờ đọc thơ Việt Nam, lại luôn luôn đem trút hết cõi lòng thơ mộng của mình cho những thứ sách vở thô lổn tạp pí lù ở đâu đâu. Lại chạy đi si mê những da trắng Marilyn những da đen phi châu chiêm bao bờ cỏ. Làm bao nhiêu thơ mộng lại đem gán hết cho châu chấu chuồn chuồn. Ăn ngữ gì mà đoạn trường ra như thế. Lâu lâu lại còn ca ngợi tài hoa ông Kút Xếp, tài liệu ông Vương Dương Minh.

*Thôi thì thôi cũng chịu lòng
Cũng cho nghĩ nghĩ trong vòng lai rai.*

Huy Cận cũng đã có phen gián tiếp giải oan cho mọi người lưu lạc:

*Hỡi Thượng Đế! Tôi cúi đầu trả lại
Linh hồn tôi đờ một kiếp đi hoang
Sầu đã chín xin người thôi hãy hái
Nhận tôi đi dù địa ngục thiên đường...*

Huy Cận nói cái lời gì bao la như thế? - Nhận tôi đi dù địa ngục thiên đường?

Đáp: Huy Cận đã khai tỏ cái chỗ u ám nhất trong ngôn ngữ Jesus Christ.

Và đọc Huy Cận, chớ vị Bồ Tát ắt phải gật đầu với Long Thọ Bồ Tát mà rằng:

“Chư Phật vô lượng phương tiện lực, chư pháp vô quyết định hướng; vị độ chúng sinh, hoặc thuyết nhưt thiết thực, hoặc thuyết nhưt thiết bất thực, hoặc thuyết nhưt thiết thực bất thực, hoặc thuyết phi thực phi bất thực...” (Xem *Sương Bình Nguyên*, trang 490).

Cũng vì lẽ đó, nên lần giở Dịch Kinh, chúng ta đọc lại ngôn ngữ thi ca của Khổng Tử:

“Hữu thiên địa, nhiên hậu vận vật sinh yên, doanh thiên địa chi nhân giả. Duy vận vật, cố thụ chi dĩ Truân. Truân giả doanh dã. Truân giả vật chi thủy sinh dã. Vật sinh tất Mông, cố thụ chi dĩ Mông. Mông giả Mông dã. Vật chi trí dã, vật trí bất khả bất dưỡng dã. Cố thụ chi dĩ Nhu. Nhu giả âm thực chi đạo dã... Âm thực tất hữu Tụng. Cố thụ chi dĩ Tụng. Tụng tất hữu chúng khởi. Cố thụ chi dĩ Sư... vân vân vân vân vân vân...”

Từ cõi Vô Ngôn của Bồ Tát tới cõi Vô Ngôn của Khổng Tử chúng ta trở lại với Kiều, Lửa Thiêng, sẽ nhận ra một chân lý mà không có sách vở học giả ru rú nào có thể chỉ vẽ ra. Phasis sơ nguyên Hy Lạp cũng lại lập lòe hiện thị một cách phong nhiêu dị thường trong hai câu mở đầu bài “Thuyền Đi”:

*Trăng lên trong lúc đang chiều
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên.*

Thuyền đi

Thuyền đi là nước đi, thời gian đi, hay đời người đi? biệt ly, nói tóm lại?

Nhưng tại sao bài thơ “Thuyền Đi” của Huy Cận lại xa vắng mênh mông hơn bất cứ một bài thơ ly biệt nào xưa nay? Nó tiềm ẩn những tố chất gì như thế?

*Trăng lên trong lúc đang chiều
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên
Thuyền đi sông nước ưu phiền
Buồm treo ráng đỏ dong miền viễn khơi*

*Sang đêm thuyền đã xa vờ
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh buồn
Canh khuya tạnh vắng bên cồn
Trăng phơi đầu bãi nước dòn mênh mang*

Thuyền người đi một tuần trăng

*Sầu ta theo nước tràng giang lững lờ
Tiền đưa dôi nuối đợi chờ
Trông nhau bữa ấy bây giờ nhớ nhau*

Bài thơ mười hai câu cả thấy. Mười hai câu lục bát Huy Cận trông giống như một cung thành Đông Á, một chùa chiền Á Đông, một tượng vân thạch, hoặc đồng đen Đông Phương đang nhô lên nhìn sang khối Sơ Nguyên Hy Lạp.

*Trăng lên trong lúc đang chiều
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên*

Một cái gì bỗng dưng về giữa hai câu thơ, một cái gì đồ sộ, bất tuyệt, vô thủy vô chung về trong một lúc? Phải là Thời Gian của Vĩnh Viễn về tri ngự trong Physis Mở Phơi? Về trong một lúc? Là về trong một Sát Na của Viên Mãn Viên Dung cho âm dương tịch hạp? Cuộc Nảy Nở của Càn Khôn đang phơi mở thịnh triều tri ngự trong tiếng “*trăng lên, triều lên*”. Tươi thắm của Sơ Khai hiển hiện trong những tiếng “*gió về trong lúc, trăng lên, đang chiều...*”

Hai câu thơ đong đưa kỳ ảo diu Thiên Nhiên về giữa lòng vạn vật để thành tựu cái mà người xưa đã thể nghiệm thiên hình vạn trạng qua những tiếng Vĩnh Thế và Tồn Lưu, Thời Gian và Thời Thế. Một cái gì nhiệm màu cũng song trùng về trong những tiếng “là là” nhịp điệu của Nguyễn Du.

*Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh*

Trong bài thơ Huy Cận, cuộc Lễ Hội ấy đang hiển hiện trong cảnh trời là nơi chốn của Phùng Ngộ trong chia ly. Một cuộc hôn phối dị thường mà Khổng Tử xưa kia cũng đã từng thể nghiệm qua cuộc Lữ.

Thiên Nhiên rộng rãi đang lên lời giục giã người lên đường lữ thứ để thành tựu cuộc Trùng Phục Quy Hồi trong mỗi bước chân đi.

*Trăng lên trong lúc đang chiều
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên
Thuyền đi sông nước ưu phiền
Buồm treo ráng đỏ giông miền viễn khơi*

Ra đi như thế là kết hợp vũ trụ vào trong nhịp lưu ly của tại thể mình. Diu tồn lưu về để mở phơi ra và đón nhận lấy. Cái ân huệ vô ngần kia đòi hỏi những cuộc ra đi, từ già cõi miền đóng kín quanh quẩn trong nếp quen thuộc nhân tuần. – “*Lữ chi thời nghĩa đại hỷ tai !*”.

Cái nghĩa thời của cuộc Lữ to lắm lắm thay!

Nỗi ưu phiền của sông nước kia là một niềm kỳ vọng, một niềm chúc phúc lên đường.

*Sang đêm thuyền đã xa rồi
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh lòng*

Thế thì các cuộc đi kia đã khiến cho sự hiện diện của kẻ đi càng bát ngát thêm trong cơn khiếm diện.

Kẻ đi và toàn thể cái khối gì đang đi?

Và do đó một cõi mệnh mông nào đang phát hiện tinh thể? Cõi thái hư tịch mịch? Cõi sầu bi siêu thoát?

*Canh khuya tịnh vắng bên cồn
Trăng phơi đầu bãi nước dôn mệnh mang
Thuyền người đi một tuần trăng
Sầu ta theo nước tràn giang lưỡng lờ*

Có cuộc đi trong một tuần trăng thời thể, mới có theo về trong một xứ sở của bỉ ngạn chon von. Thời gian được thời thể hóa. Thời thể được thể nghiệm trong Mnemosyne Ký ức lưu tồn. Nó giữ lại một cái gì trường lưu hằng cửu mà con người vong thể ngày nay chẳng thể nào thể hội được nữa. Chạy theo đuôi danh từ lí nhí, đem phân chia cắt xén thời gian ra làm khoảnh khắc tũn mủn, rồi chối bỏ lung tung chẳng còn rõ mình đang tham dự vào cái cuộc nhảy múa ma trời nào thiếu não.

*Thuyền người đi một tuần trăng
Sầu ta theo nước tràn giang lưỡng lờ
Tiễn đưa dôi nuối đợi chờ
Trông nhau bữa ấy bấy giờ nhớ nhau*

Cuộc ra đi như thế trở thành cuộc lên đường lữ thứ tìm lại tinh thể mình. - Hãy trở thành... Nhà người là gì, hãy trở thành cái ấy. “Deviens ce que tu es” – Té ra con người phải đi một cuộc mười lăm năm, rồi ra mới nhận chân được tinh thể mình nằm tiềm ẩn trong cung đàn ban sơ bạc mệnh: và từ đó? – phát nguyện đại từ bi?

Đức Khổng còn khổng lồ nói lên sự đó một cách đơn sơ ẩn mật vô ngần:

“Hữu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh yên, doanh thiên địa chi nhân giả, vạn vật, duy cố thụ chi dĩ Truân... Truân giả doanh dã. Truân giả vạn vật chi thủy sinh dã. Vật sinh tất Mông, cố thụ chi dĩ Mông...”

Bấy lâu chúng ta quen nghĩ rằng Huy Cận chỉ là nhà thơ có cảm giác bén nhạy và tài hoa riêng biệt trong phép tả cảnh tả tình sầu. Nhưng thật ra Huy Cận là khối óc vĩ đại đạt tới một cõi tư tưởng bát ngát nên tự nhiên như nhiên, lời thơ ông đi vào trong phong cảnh bao la, dội vào đáy thăm thiên nhiên, và gửi lại cho ta những dư vang bất tận. Khối óc kia cũng là thông tuệ của tâm thể thiên tài.

Chết

*Chân quán quít rồi đến ngày nghỉ bước
Miệng trao lời rồi đến buổi làm thinh
Thân có đôi chờ lúc ngủ một mình
Không bạn lừa cũng không mền ấm nóng*

*Tai dưới đất để nghe chùng tiếng sống
Ở trên đời - đầu ấy ngừng lên cao
Sẽ nằm im! Ôi đau đớn chùng nào
Thân bay nhảy giam trong mồ nhỏ tí*

*Một dáng điệu suốt trăm nghìn thế kỷ
Ngày sẽ về gió sẽ mát hoa tươi
Muôn trai tơ đi hái vụn môi cười
Làn nắng ấm vào khuya trong lá sắc*

*Nhưng mắt đóng trong đêm cảm dằng dặc
Còn biết gì đất ở trên kia
Bướm bay chi! Tay nhậy đã chia li
Tình gọi đó nhưng lòng thôi bắt mộng*

*Bỏ chung chạ để nằm khô một bóng
Chẳng ai vào an ủi nắm bàn tay
Khổ bao nhiêu cho một kẻ hằng ngày
Tìm thế giới để làm khuấy lễ chiếc.*

Huy Cận tặng Thần Chết một bài thơ cảm động. Nói là tặng Thần Chết nhưng cũng là dâng cho Cuộc Sống. Cuộc Sống ôi! Hình dạng của Thần Chết đã ra như thế thì Thánh Sống nghĩ sao?

Ắt nghĩ rằng: nên kiệt tận miên bạc bình sinh để sống cho đậm đà thơ mộng. Vì không làm thế, thì cái sống sẽ giống tợ tợ như cái chết.

Cái chết trông dị dạng quá. Mà hằng ngày vô tình ta sống theo lối chết đó. Tuy không đến nỗi căm căm gớm guốc như thế, nhưng cũng tai hại điều linh gần bằng. Chúng ta dường như quên mất rằng mỗi người chỉ có một cuộc sống thật xinh, và cuộc sống đó rất có thể bị những thứ tai hại trong hồn ta làm cho méo mó đi. Và meo móc tử khí bám đầy rẫy cái hình hài cuộc sống.

Tiếc sao! Tiếc sao! Một sự sống quá đơn sơ, chúng ta cứ đời đời quên bẵng.

Xin một lần thử thông dong nhìn lại rõ bộ mặt cái chết, để hỏi lại linh hồn mình nên nhớ lại chuyện chi.

Thì từ đó rất có thể rằng cái chết hãi hùng sẽ là một cơ hội huy hoàng cho cái sống thành tựu được tinh hoa. Ta sẽ nhìn các em, các em sẽ nhìn con chim, con cá. Con cá sẽ nhìn con giế con giun... Mọi mọi sinh vật sẽ mọi mọi nhìn nhau bằng một nhãn quan khác hẳn. Và cõi đời từ đó sẽ đúng là đời cõi của yêu thương.

Đức Phật ôi! Chính Ngài đã có cái dụng tâm giống như chàng Huy Cận. Ngài đã đem những não nùng sinh lão bệnh tử ra nói lên cho kiếp phù du thể hội cái nghĩa não nùng, là phát nguyện bi tâm để đui tồn sinh về bỉ ngạn...

Cái chết được thể nghiệm sâu xa sẽ trở thành cái khả năng vô thượng của con người

mang một cái sống phù du. Đó là lý do (do lý) đã khiến ông Heidegger đem cái chết mà thiết lập căn cơ cho cái sống của Dasein. Và gọi rằng: con người ta là một sinh - thể - cho - tử - diệt.

Tinh thể của con người là: sinh - thể - cho - tử - vong?

Thì tử diệt tử vong chính là Tặng Vật vô ngần cho Sinh Thể. Sinh Thể sẽ ôm cái Tặng Vật vô ngần đó mà đi khắp mặt biển dâu lão đảo.

Em quốc sắc, em thiên hương, em hoàng hậu, em nữ chúa, em giai nhân da vàng, em mọi nào da trắng, em mọi nào da đen...

Thầy thầy mọi mọi em em cùng chia nhau cái món quà kỳ ảo. Thì can chi các em lại bảo rằng cái da vàng thơ mộng hơn cái da đen? Cái da trắng văn minh hơn cái da đỏ?

Buổi hội trần gian sẽ từ đó mà mất vui. Thế giới mất ân tình. Cõi đời mất đời cõi. Thì lễ hội mất đi cái gọi là. Là gì? Ban sơ xuân xanh ngày đó, ông Nguyễn Du đã bảo rằng:

*Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh*

Hội đạp thanh mất đi cái ý nghĩa vô ngần của thanh đạp, một phen thanh đạp trở thành đạp thanh, phá lũy, theo thể điệu Caligula. Ấy cũng chỉ vì dăm dăm riêng nghĩ tới hội là đạp thanh, mà bỏ quên cái tình riêng của lễ là tảo mộ...

*Ai chết đó? Nhạc sầu chi lắm thế?
Kèn đám ma? Hay ấy tiếng yêu thương
Của cuộc đời...*

Tiếng đau thương đó của cuộc đời dội vào cuộc sống, thì cuộc sống đổi hình thay dạng...

*Tôi nhớ lại ngày tháng chuyển dịch
Những thay hình đổi dạng mở phơi
Trong ly nước mộng tuyết vời
Mỏi sầu dao động nổi đời giao thoa
(Apollinaire)*

Cuộc sống thay đổi hình dạng theo thể thái sầu bi ngậm ngùi đó trong tâm hồn người ta. Cũng có thể nó đổi dạng theo lối tuyệt vô hy vọng, hoặc điên cuồng, hoặc rồ dại. Nhưng cuối cùng, phải nên dìu nó về thể thái thanh thản khiêm tòng... Cạo đầu sạch sẽ đi tu? Đi làm đạo sỹ? Hay tiếp tục làm thy sỹ phiêu bồng? Làm nhà thương mãi đi buôn? Kỹ nghệ gia? Làm gì thì làm, cũng hơn là làm Caligula vậy.

Ngày còn đi học, hai bài thơ "Chết", "Nhạc sầu" của Huy Cận đã gây chấn động dị thường cho tôi. Tôi bỏ học, chẳng thiết chi sách vở. Chạy về quê làm thằng chăn bò. Bao nhiêu thơ làm ra, tôi âm thầm tặng hết cho chuồn chuồn châu chấu!

Thế cũng là một cách chịu chơi với Thần Chết vậy. Nghe tin Marilyn Monroe lia đời, tôi buồn bã suốt mấy tháng. Phải chi bình sinh nàng có đọc thơ Huy Cận, ắt nàng chẳng nên

giận phận gì mà vội ngang tàn tính mệnh như thế.

Bây giờ tôi xin chậm rãi chép bài “Nhạc Sầu” ra tặng nàng. Mong rằng ở dưới tuổi vàng nàng hãy bỏ chút thì giờ đọc giải trí cho vui.

Nhạc sầu

*Ai chết đó! Nhạc buồn chi lắm thế
Chiều mờ cõi đời rét mướt ngoài đường
Phố chiều hiu màu đá cũ lên sương
Sương hay chính bụi phai tàn lả tả*

*Từng tiếng lệ ấy mộng sầu úa lá
Chim vui đâu? Cây đã gãy vại cành
Ôi chiều buồn! Sao nắng quá mong manh
Môi tái nhạt nào cười mà héo vậ*

*Ai chết đó! Trục xoay và bánh đẩy
Xe tang đi về tận thế giới nào
Chiều đông tàn lạnh xuống tự trời cao
Không lửa ấm chắc hồn buồn lắm đó*

*Thê lương vậy mà ai đành lia bỏ
Trần gian sao? Đây thành phố đang quen
Nhưng chốc rồi nẻo vắng đã xa miền
Đường sá lạ thôi lạnh lòng biết mấy*

*Và ngựa ôi đi nhíp đằm chớ nhảy
Kèo thân đau chưa quên nệm giường đời
Ai đi đưa, xin đưa đến tận nơi
Chớ quay lại nửa đường mà làm tủi*

*Người đã chết. Một vài ba đầu cuối
Dăm bảy lòng thương tiếc đến bên mồ
Để cho hồn khi sắp xuống hư vô
Còn được thấy trên mặt người ấm áp*

*Hình dáng cuộc đời từ đây xa tắp
Xe tang đi xin đường chớ gập ghềnh
Không gian ơi xin hẹp bớt mông mênh
Áo nã quá trời buổi chiều vĩnh biệt*

*Và người nữa tiếng gió buồn thê thiết
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn
Hàng cờ đen như bóng quạ chấp chờn
Báo tin xấu dẫn hồn người đã xế*

*Ai chết đó? Nhạc buồn chi lắm thế
Kèn đám ma hay ấy tiếng đau thương*

*Của cuộc đời? Ai rút tủy trong xương
Tiếng nước nở gởi gió dường quạnh quẽ
Sầu chi lấm trối ối chiều tận thế...
(Huy Cận)*

Nhưng cố nhiên, chép xong rồi thì nên xếp giấy lại, ra đường phố dạo một phen rong chơi. Để nhìn lại đậm đà những tà áo phấp phới. Chẳng nên đắm chiêu dằng dặc. Chẳng nên o bế cái chết. Kéo dây dưa cuộc tình duyên với Tử Thần, là điều tối kỵ. Nó có tính ăn hiếp. Ta lân la chơi đùa với nó, thì nó rút mòn xương tủy ta.

Bây giờ nên ngâm chơi vài vần “Tặng Em Mười Sáu” của Huy Cận:

Tặng em mười sáu

*Em mười sáu xuân lang vừa độ tốt
Trời trong sáng sông trôi vui chim lãnh lót
Để tay ngời nối lại với tay anh
Anh thấy mơ hồ huyền diệu mong manh*

*Một giải lụa quán qua hôn đây đó
Nổi vui cũ ngày nay anh lại có
Thêu đời hồng anh nói ít lời hoa
Em ca lừng cho bốn phía sinh ca*

*Đem dâng tặng mặt trời muôn thuở mới
Hãy đẹp giọng khúc huy hoàng vời vợi
Nhạc tưng bừng tuôn chảy tủy hồn vui
Thuyền du dương anh cầm lái em mui*

*Chèo một nhịp hò khoan cùng vũ trụ
Em mười sáu ấy hoa đời đượm nụ
Nở xuân quang anh vừa quá hai mươi
Ta nói tay tròn kết một vòng tươi*

*Mà vẫn láy cuộc đời. Em có thấy
Trong máu thấm dòng vui luôn tiếp chảy
Suối hân hoan cuộn cuộn sóng dương hòa
Làm nụ cười cho vạn vật muôn hoa
Em! Nào ta hát bài Thiên Cổ Lạc
(Huy Cận)*

Nguồn thơ vui nhất của Việt Nam nằm trong Huy Cận. Mà nguồn thơ buồn nhất Việt Nam cũng là nơi Huy Cận. Sự đó không còn chi đáng nên ngạc nhiên.

Huy Cận đã sống trọn vẹn với linh hồn mình, vì thế ông sống trọn linh hồn nhân gian. Nguồn thơ ông chảy khắp mặt buồn vui của nhân thế.

Từ Nguyễn Du đến chúng ta bây giờ, chỉ có một Huy Cận mà thôi. Một Quang Dũng mà thôi. Một J. Leiba, Kiên Giang, Hồ Dzếnh mà thôi.

Và mọi mọi chúng ta cũng từ đó mà mọi mọi được có một nguồn thơ duy nhất của ta ta mọi mọi mà thôi.

Ta còn bận tâm chi nữa về câu chuyện xếp loại, định nguồn, nhận riêng khuynh hướng?

Huy Cận có làm văn nghệ văn ngừng gì đâu. Thi sĩ chân chính cổ kim có một ai chịu thiết lập trường trại gì đâu. Họ vào cuộc Lễ Hội Trần Gian cũng đơn sơ như con chim về Mùa Xuân ca hót. Đến từ xứ lạ? Xứ quen? Xứ xa xuôi vô ngần thân thuộc? Ngựa cổ hát chơi? Khi gió nắng vào reo um khóm lá? Khi trăng khuya lên ử mộng xanh trời? Chim ngậm suối đậu trên cành bịn rịn? Kêu tự nhiên nào biết bởi sao ca? Tiếng to nhỏ chẳng xui chùm trái chín? Khúc huy hoàng không giúp nở bông hoa?

Họ đơn sơ hồn nhiên như thế. Sao ta lại cầu kỳ buộc họ phải cầu kỳ gay cán như ta? Họ có đòi hỏi chi đâu? Họ chẳng bao giờ tranh giành địa vị? Chẳng bao giờ chịu làm thần tượng. Chỉ xin vào cuộc Hội Hoa Đăng, ca một lời cho Hoa Đăng xán lạn. Cho mọi người cùng yến tiệc giữa Hoa Đăng...

*Khi ta đến các người đà đến cả
Có Thiên Nhiên Suối Chì với Rừng Anh
Cỏ vạ dại đã quen chiều óng ả
Liều thiên thu từng thuộc lối buông manh*

Thơ Huy Cận dịu dàng như thế đốt cháy bỏng máu me ta bởi ông đơn giản ca ngâm. Ông chân thành khiêu vũ. Đừng ai nở đem gán bừa cho họ những gì họ chẳng hề có bận tâm. Bao phen chúng ta từng tàn nhẫn một cách quá vô tình. Và vì thế, họ đành quay lưng trốn chạy. Kêu gọi buổi chiều về bên mình để tâm sự cô đơn:

*Chiều ơi hãy xuống thăm ta với
Thiên hạ lia xa đời trống không
Nắng xế ngậm ngùi bên mái cũ
Đìu hiu bên phố nhớ bên lòng*

Thiên hạ lia xa? Thiên hạ vẫn ngồi đó. Vẫn làm thơ tặng nhau. Nhưng cũng bằng gáp máy quan san trong gang tấc. Vì đã tuyệt dòng chân thành tương ứng. Mỗi người mỗi đánh lạc mất linh hồn tinh thể mình, và mỗi mỗi đẩy đọa nhau dằng dặc...

*Đã mấy năm rồi thơ nở hoa
Trang vui cũng lúc lệ buồn nhòa
Giòng đời cũng nặng sầu lưu thủy
Tóc nặng sầu tư gió thổi tà*

*Chiều ơi gặp gỡ đã đòi con
Sương lạnh dòn thêm lệ tủi hờn
Một buổi xưa kia phòng vắng bạn
Đó ngày quen biết với cô đơn*

Buổi hoàng hôn dị thường nào xưa kia Nguyễn Du đã nhìn và tâm sự? Buổi hoàng hôn

nhân loại. Ngày tận thế đó chẳng? Không có lẽ như thế. Vì lời thơ thân thiết vẫn như âm thầm báo hiệu một bình minh sắp mọc trong hoang liêu:

*Có lúc xa người bởi quá yêu
Than ôi sông núi lại buồn nhiều
Mây xa lạc gió bên trời vắng
Đời bạt lòng ta lại gặp chiều.*

Nguyễn Du

Nguyễn Du cũng như Camus, lúc nào linh hồn ông nói đúng tiếng nói của hồn ông, thì lời thơ biến ra làm thơ phong cảnh.

Điều nên lưu tâm là: phong cảnh Nguyễn Du tuyệt nhiên không liên can chi tới loại thơ phong cảnh của bọn chuyên môn tả thực.

*Sen tàn cúc lại nở hoa
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.
(Xem Mùa Thu trong Thi Ca)*

Hồ Xuân Hương

Lối tả cảnh của Hồ Xuân Hương nhằm vào chỗ: phá vỡ tinh thể của phong cảnh đi, cưỡng bức thiên nhiên, để giúp vạn vật hiện lại nguyên hình trong tinh thể thiên nhiên phasis thiết cốt.

Đối với cảnh là vậy. Đối với người cũng vậy. Bà táo bạo gan lì lợm như những Sade, Lautréa-mont.

Ngoạ Long Sinh

Là một thiên tài thơ sỹ thâm cảnh rằng ngôn ngữ Trung Hoa không còn sinh lực nữa để bước một bước khổng lồ thi ca ngôn ngữ Việt Nam, Pháp, Đức, Anh. Nên ông xô ủa nguồn thơ Trung Hoa vào văn chương vũ hiệp.

Vì lý do đó, nên ban sơ sách vũ hiệp của ông không được hưởng ứng chan hòa như sách của Kim Dung. Nhưng một phen đã kiên nhẫn theo dõi ông một thời gian, ắt sẽ thấy tâm tình cháy bỏng.

Trong sách ông không có những loại tên hề Shakespeare. Nhưng có những ngôn từ “hề ngằm”. Cũng đốt cháy bỏng linh hồn ta như thế.

Sách của ông còn mở ra một khoảng vắng lặng để cho Dịch Kinh tương ứng với Phật Giáo và thành tựu một bước đường tối hậu cho sử lịch Đông Phương.

Rimbaud

Mỗi phen muốn nói tới thơ Rimbaud, thì lập thời ta gác bút bình luận, nắm lấy ngọn bút tái tạo thi ca.

Để làm gì như thế ?

Để có thể cho hai làn sóng bành bãi cùng song song dâng lên, đập vỡ vào nhau cho hiện ra một tinh thể nào khác.

Với Nguyễn Du, Huy Cận, Hồ Dzếnh, Quang Dũng, ta vẫn thường sử dụng phép “cưỡng bức” kia.

Nhưng cái âm thanh riêng biệt thoát từ hai triều sóng tuôn ra, âm thanh đó sẽ ngân lên như thế nào, và dội vào đâu để vọng lại ?

Cuối cùng đành phải quay sang cuộc làm thơ vịnh sách vũ hiệp.

Paul Eluard

Là thiên tài riêng biệt Tây Phương đích đáng là hóa thân của Đức Khổng.

Khổng Tử đi vào mê cung hiện đại, Khổng Tử biến làm Paul Eluard, René Char, Albert Camus, hoặc André Gide.

Như Lai biến làm Saint John Perse, Walt Whit-man, Dylan Thomas.

Trang Tử biến làm Jean Paul Sartre.

Nguyễn Du bước hụt một bước, ắt có thể biến thành Simone Weil.

Mai Vân Thu

Mai Vân Thu rất ít làm thơ. Nhưng mỗi bài thơ của cô mang tính chất riêng biệt – là tính chất không tuổi không tên. Không ai rõ đó là xao xuyến hay vui tươi, buồn rầu hay hoan lạc. Thơ của cô xóa hết mọi biên giới trong bày mối tình cảm của con người. Độc giả thử đọc một bài sau đây:

Ra Đồi

*Hoa đằm đuối lìa cành rớt xuống
Mùa xuân xanh thu muện hai hàng
Song song từ giả lên đàng
Cơn mưa chính choáng ngửa vàng ươm lưng*

*Màu thắm thoát xưa từng đã luống
Hương gây ngô cuộn cuộn quen rồi*

*Đường trường điểm gạch tô vôi
Non trùng điệp giục ra đời ai đi.*

Trần Cũ Một

Tôi thích mấy bài thơ đơn giản sau đây của Trần Cũ Một.

Nếp áo

*Đã phai nếp áo sông hồ
Chuyện vàng đá cũng nếp xô đi rồi
Âm thanh ray rút nửa đời
Thoảng dư hương ấy về nơi vong tình
Ngủ yên hằng cửu nín thình
Càng xa vó ngựa trường đình năm nào.*

Buông rơi

*Chắc gì cổ quận còn nghe
Mưa xuân thấm thoát bờ tre giậu vàng
Hai bàn tay nắm một hàng
Cỏ thơm ký ức muộn màng chim kêu.*

Vân hoa

*Môi vàng nửa giọt máu hoa
Dấu in hằng cửu đã xa mây vàng
Trang hồng rút bỏ từng trang
Mùa xuân cổ quận nhớ nàng không tên.*

Vương Quốc Quyên

Vương Quốc Quyên làm thơ nhiều, nhưng chẳng chịu in ra sách. Cô vốn người Đà Nẵng. Chỉ thỉnh thoảng gửi cho tôi vài bài “Ngẫu Hứng”. Cô bảo rằng bài nào cũng ngẫu nhiên làm khoảng năm giờ sáng, làm xong vài bài thì buông bút, lo việc tảo tần, bếp núc...

Chim kêu

*Nửa tiếng chim kêu lạc giọng rồi
Đồng hoang chừ cỏ lấp hai nơi
Chữ nghiêng trang giấy đêm về sáng
Gà gáy biên cương tiếng lộn lờ
Nửa tiếng chim kêu nào thánh thót
Một đời quang gánh đất chia đôi
Đò giang xuôi ngược đêm tri hoãn
Nam bắc mù sương một mảnh trời.*

Mưa nắng

Ngày chan chứa lục hồng thừa rậm
Giữa đêm tăm quỳ bầm thiên tiên
Tôi nay mất cõi quên miền
Tản cư năm tháng trận phiên dây dưa
Tình phố xá cuộc mua cơn bán
Đứa con thơ khóc khăn cổ rồi
Chim bay mất bóng lưng trời
Quỳ xin tiên nữ một lời cuối sương.

Tiêu Quỳnh

Cô người Thừa Thiên, nhưng gốc gác vốn là Hà Tĩnh. Chép ra đây vài bài để độc giả thưởng thức chút khí hậu của hai vùng đất thơ mộng nhất Việt Nam.

Tao phùng

*Tao phùng bến nước đầu hoa
Xuân đi như mộng trái đà sang thu
Vườn xuân ghi chữ sa mù
Một vùng giếng ngọc giọt từ từ ngân.*

Biệt ly

*Biệt ly đầy rẫy can trường
Quan san nhuộm bóng vô thường nước mây
Nào nùng khăn đỏ choàng vai
Nào xin một lúc nào hai ba hàng.*

Độc sách

*Độc trang khung cửa của người
Xuê xoang ngộ hội còn vui hội hè
Đường tơ bích lục sắt se
Mưa xuân sớm dứt nắng hè vội sang.
Bắc Nam hai ngã lộn đường
Đông Tây trùng ngộ phi thường âm thanh
Dấu sao nguồn cũ sao đành
Mấy lòng hạ tứ đã thành chiêm bao?*

Ngủ gục

*Chạnh ngủ gục một phen buồn bã
Sầu khổ ôi em ạ em ôi
Đêm nay tờ mộng rách rồi
Máu me bồi phụng rã rời xấu xương
Đường phía trước còn vương hoa phấn?*

*Nẻo phía sau từng trận tan hoang
Tâm thành thể lệ hỗn mang
Ngủ vùi tái điệp nghe trảng giang đi.*

Lục Vân Bình

Bài thơ sau của Lục Vân Bình tình cờ tôi đọc được. Không rõ thi sĩ này ở đâu.

Ngày xế

*Ngày xế đi qua xóm nhẹ nhàng
Chuông chùa vọng tiếng gọi đa mang
Ai về kết áo vàng tơ cổ
Phương trượng từ đàm có hỏi han
Chung nhật thiết tha gào tiếng cuối
Mây trời bỗng loãng mất dư vang
Mai kia chim tắt giòng thơ suối
Mạch động âm thầm hết thờ than.*

Xuân Diệu

Dường như thuở bấy giờ ông linh cảm rằng ngày mai chỉ còn đau khổ và tan nát trên mặt đất quê hương, nên trong tiếng thơ thanh xuân của ông, ông đã dốc hết ra một lần tất cả niềm vui và nỗi buồn của thời đại.

Gửi hương cho gió

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm
Đem gửi hương cho gió phụ phàng
Mất một đời thơm trong kẽ núi
Không người du tử đến nhằm hang*

*Hoa ngổ đem hương gửi gió kiêu
Là truyền tin thắm gọi tình yêu
Song le hoa đọt càng thêm tủi
Gió mặc hồn hương nhạt với chiều*

*Tân mác phương ngàn lạc gió cầm
Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm
Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá
Lặng lẽ hoàng hôn phủ bước thâm*

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương
Biết mấy lòng thơm mở giữa đường
Đã mất tình yêu trong gió rúi
Không người thấu rõ đến nguồn thương*

*Thiên hạ vô tình nhận ước mơ
Nhận rồi không hiểu mộng và thơ
Người si muốn kiếp là hoa núi
Uống nhụy lòng tươi tặng khách hò.*
(Xuân Diệu)

Xuân Diệu có chỗ đặc biệt là: ông nói tới niềm bi đát tồn sinh, ông nói rất ráo cùng cực, mà vẫn ẩn ẩn một chút mỉm cười mát mẻ. Những hình tượng ông vẽ ra bay múa rộn ràng khiến cho thảm kịch trở thành một ân huệ mưa móc. Nỗi đời gay gắt biến làm màu sắc phiêu du. Đoạn trường trở thành mùi hương rớt hột.

Người thi sĩ vốn tiềm tàng một chứa chất một tư lự hoàng viễn của những linh hồn thượng đạt, nên ngôn ngữ quay cuồng đủ hướng vẫn qui về thể thái phiêu nhiên niêm hoa vi tiếu của Khổng Tử điềm đạm trang nghiêm; niêm hoa vi tiếu của Như Lai heo hút man mác; niêm hoa vi tiếu của Long Thọ Bồ Tát và Heidegger đi bước nghiêm mật trừu tượng trong ngôn ngữ quẩn quẩn quanh quanh thoáng hiện thoáng ẩn: niêm hoa vi tiếu của Huy Cận suốt bình sinh thốt tiếng ngậm ngùi; niêm hoa vi tiếu của Trang Tử “mộ tứ nhi triều tam, triều tứ nhi mộ tam”. Niêm hoa vi tiếu của Xuân Diệu “lòng tôi đó một vườn hoa cháy nắng, xin lòng người mở cửa ngó lòng tôi”...

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm
Đem gửi hương cho gió phũ phàng
Mất một đời thơm trong kẽ núi
Không người du tử đến nhằm hang*

Trong kẽ núi? Là nơi chốn của những hang hốc ngổn ngang um tùm cỏ mọc. Hương hoa mất cả một đời thơm trong kẽ núi. Nghĩa là gió phũ phàng không đem hương hoa về đồng nội thôn làng thôn ỏ, cho nhân gian tiếp đón. Gió phũ phàng đẩy hương vào trong kẽ núi tối om om, lạnh căm căm, chịu đọa đày trong quạnh hiu tù ngục. Một đời thơm mất đi trong kẽ núi đá đờ đẫn ra như thế, thì kẽ cũng đã thiếu nẻo lắm thay. Còn khốn đốn hơn tình cảnh Thuý Kiều lênh đênh đầu nứa cũng là lênh đênh. Bởi vì lênh đênh là trôi dạt. Trôi dạt thì còn dịp được tấp vào bờ. Hoặc còn mong lưu ly thì được gặp bàn tay tế độ của Thúc, của Từ... Mà cho dầu không gặp bàn tay nào cả, thì riêng cái việc được lưu ly cũng là thơ mộng. Có chìm, có nổi, có dùi dặt, có nhấp nhô.

Còn như? Còn như cái sự tình mất một đời thơm trong kẽ núi, là cái sự tình ngọt ngọt, không khác chi bị vùi chôn trong nấm mồ, chẳng khác chi cái nhà mồ Siêu Hình Học Âu Châu đã chôn vùi sắp giữa Nerval Hölderlin.

Bị vùi chôn ngọt thở, hy vọng có người du tử nào ngẫu nhiên đi nhằm hang trúng hố, mà cứu ra? Nhưng núi non thì trùng trùng điệp điệp, hang hố thì hàng triệu ngổn ngang, nằm ứ lỳ trong tịch mịch.

Hy vọng được cứu thoát là hy vọng của tuyệt vô hy vọng.

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm
Đem gửi hương cho gió phũ phàng*

Biết bao hoa đẹp? Hoa đẹp của rừng thẳm rừng thiêng? Loại hoa đó không giống loại hoa của phồn hoa son phấn. Loại hoa đó u nùng như rừng thẳm âm u. Loại hoa đó mọc từ uyên nguyên vũ trụ. Từ giữa lòng tịch hạp của càn khôn.

Nó tin cậy đem ký thác tinh thể nó cho gió. Thấy gió phiêu bồng chịu chơi, nó hân hoan gửi hương cho gió. Thì dùng một cái, vừa gửi đi, thoát thấy mình chết đấm. Tại sao gió không mang nó đi tỏa ra man mác bốn chân trời chân mây tứ hải. Gió lại chơi khăm đưa nó vào trong kẽ núi bịt bùng. Cái tiếng phụ phàng chơi lại đem gửi. Chơi một cách kịch liệt. Đem gửi? Đem ra mà gửi? Là tin cậy mới đem ra. Gửi đi là kỳ vọng.

Bốn câu tiếp chậm rãi nói ra sự tình trở trêu rắc rối:

*Hoa ngỡ đem hương gửi gió kiêu
Lá truyền tin thắm gọi tình yêu
Song le hoa đợi càng thêm tủi
Gió mặc hồn hương nhạt với chiều...*

Mọi tiếng không một tiếng nào không nói ra có sự ảo não. Hoa bản chất vốn là phù du. Đợi nhiều như thế thì còn gì tinh thể của hoa:

Gió mặc hồn hương nhạt với chiều

Chiều là hoàng hôn. Hoàng hôn là đêm tối. Đêm tối là dậm khuya ngắt tạnh mù khơi. Ngát tạnh mù khơi là câm nín. Không một âm thanh tương ứng vọng lại suốt rừng cao, lũng thấp, còn bãi lè tè.

*Tản mác phương ngàn lạc gió câm
Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm
Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá
Lặng lẽ hoàng hôn phủ bước thềm*

Gió câm? Gió sao lại câm? Nó câm bởi vì nó điếc. Nó không nghe cái lời. Nếu nó có nghe cái lời thì ắt nó không điếc. Nó không điếc thì ắt nó không câm. Nó không câm ắt nó thốt lời đáp.

Nhưng sự tình trái hẳn. Dưới rừng cũng như trên rừng, hai ngã đều lạnh giá câm nín cả hai.

*Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm
Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá*

Nếu rơi trên đất còn khả dĩ gọi là. Mà nếu rơi được trên giòng khe thì càng may mắn hơn nữa. Nhưng hoa đẹp rơi trên đá? Rơi trên đá thì còn ra cái thể thống gì? Thì cũng tỷ như cô Marceline rơi rụng cái hồng nhan mình trên cái hình hài anh chàng Michel (L'Immoraliste).

Hoặc cái chú Jan chạm phải cái phũ phàng cứng rắn của cô em gái Martha. Hoặc cái cứng nguội Caesonia Seiphion vấp phải cái khối Caligula sa mạc.

Sa mạc phát tiết anh hoa ra ngoài một phen thì sự tình đi tới chỗ trầm trọng bất khả vãn hồi.

Jésus Christ phải lên Calvaire, song song với hai tên trộm cướp...

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương
Biết mấy lòng thơm mở giữa đường
Đã mất tình yêu trong gió rui...*

Cái trận gió rui kia đã đem tai họa đến cho gia đình Nguyễn Trãi. Đã xô Nguyễn Du về giữa triều đình Gia Long. Đó là nơi chôn phát tiết tiếng thơ xưa kia :

Kim cổ vô cùng giang mạc mạc.

Và:

*Chắc chi thiên hạ đời nay
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao*

Và:

*Người đâu tá? Quê nhà chưa tỏ
Tuổi bao nhiêu? tên họ là chi?
Đã sinh cùng nước cùng thì
Cùng ta không biết mà ly bao giờ?*

Không biết mà ly có nghĩa là: mất hết mọi tương ứng thông cảm. Xô bồ chém giết nhau đủ lối. Thì như thế cõi đời không còn là cõi sống của con người ta. Lúc Jésus Christ nói với Ponce Pilate: “Vương quốc ta không phải là cõi đời này” thì ý Ngài muốn nói gì như thế?

Nói xong câu đó, thì Ngài im lặng. Ponce Pilate hỏi: “Bọn chúng lên án Ngài lan tràn như thế, Ngài nghĩ sao?” Jésus Christ vẫn im lặng.

Ấy bởi vì câu nói trên của Ngài đã là lời đáp cho mọi câu hỏi rồi. Ngài không phải là con dân của non nước này, thì luật lệ của non nước này sao có thể lên án Ngài. Ngài chỉ ghé lại viếng chơi giây lát, ôn tồn tâm sự phút giây, rồi phiêu nhiên nhi khứ, như đã phiêu nhiên như lai...

Mọi oan nghiệt trần gian thế là được gột rửa sạch sẽ vệ sinh.

Trong trận lạng lẽ kia của Ngài, chẳng còn ai giết ai, chẳng còn ai anh hùng hữu hận...

Ngài đã đóng xong vai trò của thân thể ở trong cuộc hý trường hư vô kim cổ vô cùng giang mạc mạc.

Bài thơ của Xuân Diệu không có nói ra như thế. Lời thơ Nguyễn Trãi cũng không. Nhưng nó đã bao hàm tất cả những gì chuẩn bị cho linh hồn con người ta thể hội sự tình kia, trong cái thể điệu thi ca hiu hiu hắt hắt. Nó nói chuyện hoa rừng mà không phải chuyện hoa rừng.

Nó nói chuyện người thơ, mà không hẳn là chuyện người thơ. Nó nói một đường để người ta nghe một ngã. Nó nói chuyện bà la mật để người ta thấy bí ngạn là thử biên. Mà thử biên cũng có thể là vô biên vô tế. Vô biên vô tế cũng có thể là hư vô mà cũng có thể là không phải là hư vô. Non nước ta không phải ở cõi đời này nhưng vì sao ta lại về đây và gieo Phúc Âm vào cho non nước? Gieo vào cho non nước, mà vẫn biết trước rằng non nước chẳng nghe ra. Non nước chẳng nghe ra thì công gieo là công uổng. Công uổng là luống công lao. Thế tại sao lại bận lòng gieo rắc? Bận lòng gieo rắc mà lòng dạ vẫn chẳng bận tâm. Chẳng bận tâm sao có sự đoạn trường. Sao có sự vụ đoạn trường tân thanh? Đã có đoạn trường tân thanh sao còn gọi là góp nhặt lời quê mua vui một vài trống canh cũng được? Mua vui chơi một cuộc sao còn thờ than “*bất tri tam bách dư niên hậu?*”.

Nêu câu hỏi lai rai ráo riết như thế rốt cuộc ta chạm phải cái gì? Ấy là lời thơ hát hiu đồng Bương Cấn:

*Bao giờ ta gặp em lần nữa
Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa
Đã hết sắc màu chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta?*

Triệt ngộ cái lẽ ẩn mật trong nếp gấp thi ca, từ đó về sau chẳng bao giờ ta còn dám trách chúa Jésus mâu thuẫn. Tại sao lúc Ngài bảo là non nước này chẳng phai non nước của Ngài, rồi lúc lâm biệt, ngài lại thờ than: “Hỡi Thượng Đế ! Vì sao Người bỏ rơi con !”. (Xem *Trăng Châu Thổ*).

Chế Lan Viên

Một tinh thần quân bình sáng suốt, lại cứ nói mãi chuyện điên. Yêu đời vô lượng lại nói toàn là chuyện yêu ma.

Làm sao không than khóc yêu ma một phen đã yêu đời quá nặng, và cõi đời đang bị phá vỡ tràn lan?

Người Chàm đã diệt vong, cũng như người Troyens đã diệt vong, người da đỏ đã diệt vong.

Người người kẻ kẻ mọi mọi da da đã diệt vong, và tiếp tục xô ùa nhau vào diệt vong. Thì kẻ yêu đời chỉ còn biết gọi: - Thần chết ạ, lại gần đây đối mặt! Trao bàn tay cho ta nắm bên miềm...

Nguyễn Trãi

Nghĩ tới Nguyễn Trãi, không còn can đảm đâu viết nên một lời gì cả. Nguyễn Du đã vì Nguyễn Trãi mà dựng một tòa tân thanh lặng lẽ. Thy sỹ đời sau cũng vì Nguyễn Trãi mà tiếp tục làm thơ không lời. Thảm kịch nhà Nguyễn Trãi dựng lên nước mắt mọi người toàn khối bất công oan nghiệt con người phải nai lưng ra gánh vác.

Còn đâu chỗ để nêu ra vấn đề Chiến Tranh hay Hòa Bình?

*Chiến tranh cũng thế!
Hòa bình cũng thôi...
Chắc chi dâu biển nổi đời
Mà đem non nước làm lời non sông...*

Nguyễn Sa

Có lẽ ông Nguyễn Sa nhãn giới rộng rãi, nhìn xuôi ngược quá tỏ rõ ngọn ngành dâu biển, nên lời thơ của ông trở thành nửa thực, nửa rỡn, nửa thâm thiết, nửa hững hờ. Và có một sức quyến rũ khác hẳn mọi lối thơ xưa nay.

Cả thơ, cả văn của ông, đều có như là một loại thần dược của thiên nhiên trao gửi cho trần gian bối rối. Kẻ chán đời quá độ, nên đọc thơ ông. Ấy là để nhận chân một mối thông dong tự tại của kẻ thượng đạt, mặc dù kẻ thượng đạt kia trong cuộc sống vẫn có thể làm lỗi nhiều ít.

Đỗ Long Vân

Đỗ Long Vân không làm thơ, nhưng lại là kẻ có tâm hồn thơ sâu đậm thâm thiết rộng rãi hơn bất cứ kẻ thi sĩ nào.

Trường hợp ông cũng như trường hợp Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh... mang tâm hồn thi sĩ dẫn mình vào cuộc biên khảo ngậm ngùi.

Nhất Hạnh

Nhất Hạnh có nguồn thơ chứa chan. Chúng ta không hiểu vì lẽ gì nguồn thơ đó lại không đủ sức ngăn cản ông, khiến ông hì hục hiện đại hóa Phật Giáo Uyên Nguyên.

Trường hợp Nhất Hạnh là trường hợp một thi sĩ thiên tài bị vướng phải cạm bẫy của triết học Tây Phương.

Nhưng riêng gì Thượng Tọa Nhất Hạnh lâm vào trường hợp bi thiết đó? Còn nhiều kẻ khác. Và ngay cả một thiên tài Nhưộng Tống cũng không thoát khỏi ma lực của tinh thần khoa học đời nay.

Trần Trọng Kim

Trần Trọng Kim cũng là một thiên tài thi sĩ. Ông dịch thơ Đường không đạt tới cái độ tài hoa của Tản Đà, nhưng trong mạch ngầm lại thâm hậu hơn Tản Đà.

Tản Đà bị tẩu hỏa nhập ma. Trần Trọng Kim lại là người duy nhất trong thế kỷ này, giữ vững được tâm hồn trong niềm tịch nhiên bất động giữa mọi phong ba.

Tản Đà chú giải Truyện Kiều một cách thô thiển lệch lạc quá. Trái lại Trần Trọng Kim có những ghi chú hoành đại âm thầm.

Chu Mạnh Trinh

Bài “Tựa” Truyện Kiều của Chu Mạnh Trinh viết bằng Hán ngữ, quả thật đầy đủ thâm hậu và thừa dư tài hoa để xô Hán ngữ uyên nguyên đi thêm một bước đặc biệt.

Lời cổ kính mà tân kỳ. Bằng một cánh pháp phối, ông bay vút một cơn. Lý Bạch phải sửng sờ. Trái lại, “Chinh Phụ Ngâm Khúc” bằng Hán ngữ của Đặng Trần Côn, ắt chẳng khiến một thiên tài Trung Hoa nào chịu sửng sốt.

Thanh Tâm Tuyền

Thanh Tâm Tuyền như một vị tướng lãnh gan lì, sử dụng một loại võ công chỉ riêng một mình ông đạt tới quai nhai cảnh giới.

Mọi kẻ về sau học tập võ công ấy đều thất bại.

Công lực thâm hậu, Thanh Tâm Tuyền lại còn trẻ quá, do đó, ông bước đi trên trận địa một cách quá ngang nhiên, chẳng bao giờ ông bận tâm tới những môn võ công khác của những đối thủ, bất kể chúng là thiên tài hay là chẳng.

Thế Phong

Thế Phong hùng hậu ngang tàng, bướng bỉnh, khó tính. Bài thơ đi ào ào, lúc chan hoà tâm sự, lúc cộc lốc phiêu nhiên.

Thơ cảm động vô cùng, mà cũng lắm phen khiến người ta cười bật ra tiếng.

Thơ ông Thế Phong là chỗ kết tụ của một tâm hồn tế nhị khôn hàn và một nỗi gàn bướng không tả. Ông làm giàu cho thi ca hiện đại không phải ít.

J. Leiba

Trong J. Leiba có một Từ Hải thời xưa yêu Thúy Kiều, lại có một Đạo sỹ giữ áo tơ tình, đi theo cánh hạc, mà vẫn ngoảnh đầu nhìn mãi phần hoa thơ mộng ở phía sau.

Đúng là một loại Thanh Tùng Tử chịu chơi:

*Phù thế đã nhiều duyên nghiệp quá
Lệ lòng mong cạn chốn am Không
Cửa thiên một đóng, duyên trần dứt
Quên hết người quen chốn bụi hồng*

Nói thì có vẻ như dứt khoát lắm. Đắc đạo lắm. Nhưng thử hỏi: - Một loại Từ Hải mà đi tu, thì tu sao trót? Làm sao gột rửa cho xong trong máu me mình, cái hình ảnh em Thúy một phen kia.

*Con dẫu trần tâm đã sạch rồi
Lòng từ vương một chút thương ai*

Một câu thơ như thế quả là thừa sức xô ủa hết thầy mọi thi ca kim cổ đông tây đi mất hết.

*Con dẫu trần tâm đã sạch rồi
Lòng từ vương một chút thương ai*

Thương ai? Thương bằng lòng từ? Vương một chút?

Một chút kia mang toàn khối tình và tự và đạo và tôi và giáo và lý và phù sinh hư ảo trên trang hải phiêu bồng.

J. Leiba ắt đã có diễm phúc gặp một người yêu dịu dàng. Người yêu có lẽ mệnh bạc? Nhưng vì thuở nàng còn tồn tại bình sinh, chàng vì có gì đã đi xa nàng như thế? - Quyết lòng dứt áo ra đi? Thanh gươm yên ngựa lên đường ruổi rong?

Chúng ta chẳng rõ gì hết về J. Leiba. Ông chỉ gửi lại trong thơ mấy lời chân thành bi thiết nhất của một can tràng hy hữu như một niềm bí mật ngàn xưa...

*Đã thế thì tôi đi cứ đi
Ta cùng hồng kiếp có vương gì
Một cười trả lại người thiên hạ
Cả tấm thân này lẫn mộng kia*

*... Đâu đấy mờ thu tiếng dế than
Lòng ta xao xuyên ngựa lên đàng
Hồ ly mấy bóng lan bờ cỏ
Đêm tối tìm về ngủ mã hoang.*

Bùi Như Sơn

Ông không làm thơ nhiều, vì tính ông ham chơi chẳng thiết chi chuyện thơ thần.

Thỉnh thoảng ông gieo vài vần gheo ông Nguyễn Du. Đọc phải bật cười ra tiếng.

*Gọi là gặp gỡ giữa đường
Họa là người dưới suối vàng quên nhau
Trở về chân lệch gót sau
Trâm đầu lọt giữa tư trào hoang mang*

Gia đình ông xưa kia bị thảm họa vì kháng chiến. Mấy mươi người chỉ còn sống sót dăm ba. Thuở bấy giờ ông chỉ là một thằng bé mười một tuổi đầu. Từ đó, đối với ông đoạn

trường nhân gian là chuyện cổ kỳ nhiên. Chẳng phải nhọc lòng nghĩ tới nữa.

*Một trái bom rơi trúng miệng hầm
Đã đành sự thể lạnh căm căm
Một mình ra đứng đầu khe núi
Quên mất thân mình một với trăm*

Bài thơ nào của ông cũng chỉ có bốn câu. Cưới vợ, ông cũng chỉ tặng vợ có bốn câu. Hồng thi, ông cũng chỉ có bốn câu vịnh cuộc:

*Lăn lóc trường thi một trận rồi
Rụng rơi từ một tới hai nơi
Ra người thiên hạ cười chi thế
Tớ chẳng vui lòng cuộc chịu chơi*

Nhớ lại thuở nhỏ đi câu cá ở bờ khe, ông viết:

*Cá đi nguồn suối xa rồi
Buông câu tuổi dại mộng ngồi phồn hoa
Tình đi như gió giang hà
Nằm nghe giấc ngủ chan hòa tử sinh*

Ông trao tôi một xấp giấy gồm hai chục bài. Mỗi bài bốn câu. Ông bảo:

“Các hạ chậm chậm mà đọc. Tháng sau ta sẽ trao thêm cho nhà ngươi một bài bốn câu nữa cho đủ bộ.”

Phạm Quang Bình

Phạm Quang Bình mười sáu tuổi. Nhưng vẻ mặt trông như đứa bé mới lên năm. Phạm Quang Bình là em ruột Phạm Đình Liên, một nhân vật phong nhã tài hoa đủ điều, nhưng lại chẳng hề làm thơ, chỉ vui đầu đọc truyện vũ hiệp quanh năm.

Phạm Quang Bình trái lại. Có năng khiếu đặc biệt phi thường toán học mà lại thích làm thơ.

*Mẹ cha vất vả quanh năm
Con làm thơ mộng như tầm ăn dâu
Mai sau con sẽ bạc đầu
Mẹ cha đừng có đau sầu vì con*

Đúng là một hồn thơ thanh bạch phi phong.

*Học hành chữ nghĩa bao dong
Thương thầy nhớ bạn còn mong yêu người
Người đi lạng bóng chân trời
Quê hương phố hội còn nơi tâm tình*

*Đêm nay bài vở rập rình
Mùi hương phảng phát tiền trình cuối năm*

Tôi chắc học sinh nào cũng phải vừa lòng với tâm sự đó của bạn thiếu niên. Nghĩ cũng lạ. Thơ vốn hồn nhiên như thế mà sao người ta cứ chạy tìm thơ ở đâu đâu.

*Phố chiều tà áo thướt tha
Chân đi đếm nhịp tuổi già hơn tên
Mẹ cha chờ đợi xui nên
Cơn chiều chuộng bỗng về bên mơ màng.*

Tuổi trẻ vốn làm thơ tươi sáng như thế nếu không bị những gò bó chương trình cản lối.

*Tự trường mở lớp học ra
Chị em ghé hội hè hoa thanh bình
Tháng năm đoàn lộ trường đình
Dĩ nhiên mộng tưởng còn trình diện kia
Chợ chiều vang bóng về khuya
Sầu dăng lẳng đặng về chia tâm hồn
Lan hương hai chị hao mòn
Nửa lo học tập nửa còn lo thi*

Chúng tôi mong ngày sau sẽ còn được đọc những bài thơ như thế của đầu xanh.

Nhượng Tống

Bản dịch “Tây Sương Ký” của Nhượng Tống thật là phi phàm.

Xin trích ra đây vài đoạn hiu hắt:

*Non xanh chẳng nể nang nhau
Rừng xanh thôi cũng ra màu khảm trên
Mật mừng sương bạc khói chiều
Người đi ta biết trông theo lối nào
Lên xe mà dạ xôn xao
Về sao chậm chạp đi sao vội vàng
Tà tà bóng ác xuyên ngang
Nào nghe người nói trên đường cái quan
Mông mênh đồng lúa xanh rờn
Còn nghe ngựa thét trên làn gió thu*

Phong cảnh cùng tâm hồn người Trung Hoa ngày xưa hiện ra như thế. Chẳng rõ có còn làm nao nao những cô gái Ba Tàu Chợ Lớn ngày nay chăng?

*Trông nhau nào thấy nhau đâu
Non xanh bốn mặt dẫm màu tà dương
Ngủ đâu đêm vắng dặm trường
Chiêm bao hồ để biết đường tìm nhau*

*Nào khi gắn bó hôm xưa
Đêm qua cách mặt bây giờ chia tay
Mùi tương tư nếm đã bao ngày
Ai hay ly biệt lại cay gấp mười*

Cuốn Mái Tây còn tràn lan những hàng châu ngọc không thể nào đếm xiết... Nhưng cố nhiên không thể nào tham lam bóc lột đem kê khai ra đây. Hãy để yên cho các cô gái Chợ Lớn tự tìm lấy mà đeo vào khắp mình mẩy hình hài của các cô.

Bản dịch “Nam Hoa Kinh” của Nhược Tống cũng tuyệt diệu. Vài nhầm lẫn nho nhỏ, không đáng kể bao nhiêu.

Dương Minh Loan

*Và mùa thu lại trở về rồi đó
("Hồng Cúc")*

Bài thơ này tôi tình cờ đọc được trên báo. Tưởng như một kỳ ngộ. Tôi đã quá quen với những vẻ đẹp tiền chiến, hậu chiến, siêu thực, tự do. Tôi muốn gặp một vẻ đẹp khác, thật sự phiêu nhiên tự do phóng nhiệm mơ hồ. Thì bài thơ này của ông Dương Minh Loan quả là đáp ứng.

*Và mùa thu đã trở về rồi đó
Trên núi cao có từng đám sa mù*

Đùng một cái, Dương Minh Loan đẩy chúng ta đối diện với một sự trạng quen thuộc mà bất ngờ của mùa thu. Xa hẳn thu Huy Cận, thu Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính. Xa hẳn mọi kỹ thuật nề nếp phi phong.

*Trên núi cao có từng đám sa mù
Tôi hờ hững tưởng tên mình chưa có*

Đúng là tuyệt diệu thật.

Tôi hờ hững tưởng tên mình chưa có

Làm sao có được? Một phen trên núi có từng đám sa mù hồn nhiên như thế? Tôi hờ hững trước cái “có” hờ hững tuyệt diệu kia.

Tôi hờ hững tưởng tên mình chưa có

Chưa có? Nghĩa là rồi sẽ có cho sau. Có lúc nào? Lúc được cái gì xác định? Ấy là cái một lần mộng du.

*Tôi hờ hững tưởng tên mình chưa có
Cánh hoa nào đang đợi lần mộng du*

Chờ tới lúc lần mộng du được thành tựu viên dung cho một cảnh hoa nào kia viên mãn, thì khi đó, sẽ có cũng không muộn gì.

*Và mùa thu lại trở về rồi đó
Trên núi cao có từng đám sa mù
Tôi hờ hững tưởng tên mình chưa có
Cánh hoa nào đang đợi lần mộng du*

Nếu như tôi không hờ hững, nếu như tôi có o bế o bồng một hoài vọng gì được xác định rõ trong một cuộc tạm biệt, nếu tôi có mang tên Thúc Sinh, Thúy Kiều chẳng hạn, thì ắt màu quan san sẽ làm lệch mất cái tổ chất nguyên thủy sơ khai của thu đi, và làm cho cuộc mộng du sẽ loay hoay thắc mắc như một vàng trắng ai xẻ làm đôi, làm ba, làm bốn, vân vân.

Tại đây, trái lại, mọi sự còn trinh nguyên – mà trinh nguyên theo nghĩa của hồi sinh tái tạo. Tái tạo theo nghĩa tự tái tạo bản thân thể mình, cho kịp với cái đà thơ ngây tuần hoàn biến hóa của vạn vật tứ lục mùa thu. Tứ lục một cách rất mực thi ca sáng lập, chứ không tứ lục theo lối cằn cỗi suy tư gớm guốc quỷ nhà ma. Đó là điều bốn câu tiếp muốn nói một cách đơn giản ra:

*Từng dấu chân in hình lên rêu đá
Từng suy tư làm đen nghĩa tương lai
Có lại đây xem nỗi buồn man trá
Hình ảnh này máu đỏ vẫn chưa phai*

Có những nỗi buồn man trá, cũng có những lối suy tư kèn càng lối bạch, vì bao giờ cũng thấy mình trang nghiêm và do đó mà dày xéo mọi thứ hồn nhiên máu đỏ.

Nhưng lời thơ nói lên sự đó một cách thông dong bát ngát hơn nhiều.

*Kỷ niệm ấy trôi theo cơn nước lũ
Tôi băng khuâng nhìn ngày tháng khô dần
Khóc thương mình hồn đau như có nụ
Rồi trở về cô độc giữa thanh xuân*

Hồn đau như có nụ? Nụ ấy sẽ nở ra hoa gì? Sẽ phủ hết một vườn thanh xuân? Khóc thương mình hồn đau như có nụ? Chắc là nụ đoan trường chẳng lẽ? Ông Nguyễn Du bảo đích thị nụ hoa đoan trường. Ông Dương Minh Loan lại mỉm cười lắc đầu, không chịu xác định. Ông nói nửa vời, mà ráo riết. Ông lửng lơ mà đi tới cùng. Ông nói sự cô độc mà nghe như thông dong đi du xuân ngó bướm.

*Khóc thương mình hồn đau như có nụ
Rồi trở về cô độc giữa thanh xuân*

Cái giọng nói riêng biệt đó là cốt cách của những kẻ có trăm năm đạo hạnh đầy đủ để đón ngộ thượng thừa. Mỗi buồn biến chất, tình yêu biến dạng thăng hoa:

*Với vòng tay người lần theo ngày tháng
Người xóa nhòa dòng lệ ướt trên mi*

*Tôi nằm xuống nhìn tình tôi biến dạng
Đem loài chim buồn vỗ cánh bay đi*

Loài chim buồn bay đi một cách cũng thông dong thơ mộng. Lúc tôi nằm xuống nhìn tôi biến dạng. Nằm xuống? Nghĩa là không lao xao nữa. Tôi nằm xuống là vào cõi tịch nhiên bất động. Là đá bĩ ngạn như lai.

Apollinaire

*Ta đã hái nhành lá cây thạch thảo
Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi*

L'Adieu

*J'ai cueilli ce brin de bruyère
L'automne est morte souviens-t'en
Nous ne nous verrons plus sur terre
Odeur du temps brin de bruyère
Et souviens-toi que je t'attends.*

Và nhớ nhé! Ta đợi chờ em đó,

Bài thơ chỉ vắn vắn chỉ có năm câu. Năm câu phiêu hốt mang thiên nhiên nằm giữa nền thi ca Tây Phương Hiện Đại – năm câu cũng đồ sộ như toàn khối Đường Thi Trung Hoa hay mấy vần tứ tuyệt của một Thôi Hộ.

*Ta đã hái nhành lá cây thạch thảo
Em nhớ cho, mùa thu đã chết rồi
Chúng ta sẽ không tao phùng được nữa
Mộng trùng lai không có ở trên đời
Hương thời gian mùi thạch thảo bốc hơi
Và nhớ nhé ta đợi chờ em đó...*

Dịch ra làm sáu câu, tôi có phần áy náy. Nhưng không biết phải làm sao. Cái chất đậm nhiên bát ngát trong bài thơ Apollinaire đang trừ khử hết mọi lối dịch diễn dịch di, dịch tinh, dịch thể.

Cứ thử liều một trận xem sao.

*Ta đã hái nhành lá cây thạch thảo
Em nhớ cho, mùa thu đã chết rồi
Chúng ta sẽ chẳng nhìn nhau trên đất nữa
Hương thời gian nhành thạch thảo tí hon
Và nhớ nhé ta đợi chờ em nhé...*

Cũng tạm gọi là được.

Nếu ta đem bài thơ bát ngát kia đặt vào giữa nguồn thơ mệnh mông của Apollinaire ắt ta

dám dịch nó ra làm lục bát Huy Cận, lục bát Nguyễn Du hoặc làm thất ngôn Du Nguyễn.

*Đã hái nhành kia một buổi nào
Ngậm ngùi thạch thảo chết từ bao
Thu còn sống sót đâu chẳng nữa
Người sẽ xa nhau suốt điệu chào
Em nhớ anh quên và em cũng
Quên rồi khoảnh khắc rộng xuân xanh
Thời gian đất nhạt mờ năm tháng
Tuế nguyệt ta đà nhị hoán tam.*

Dịch như thế là diễn giải một mùi hương ẩn tàng trong nếp gấp. Nhưng đâu có cần gì.

Nếu như cần, thì tớ cứ buông bừa bút mực viết bừa thơ.

*Mùa thu chết liểu nhớ chẳng em?
Đã chết xuân xanh suốt bóng thềm
Đất lạnh quy hồi thôi hết dịp
Chờ nhau trong Vĩnh Viễn Ngươi Quên*

*Thấp thoáng thiếu quang mỏng mảnh đường
Nhành hoang thạch thảo ngậm ngùi vương
Chờ nhau chín kiếp tam sinh tại
Thạch thượng khe đâu nguyệt điệu mang*

*Xa nhau trùng điệp quan san
Một lần ly biệt nhuộm vàng cỏ cây
Mùi hương tuế nguyệt bên ngày
Phù du như mộng liểu dài như mơ*

*Nét my sầu tỏa hai bờ
Ai về cố quận ai ngờ ai đi
Tôi hồi tưởng lại thanh kỳ
Tuổi thơ giọt nước lương thì ngủ yên.*

Dịch ra như vậy thì tiếp giáp với bài thơ “Je me souviens”:

*Je me souviens de mon enfance
Eau qui dormait dans un verre
Avant les tempêtes l'espérance
Je me souviens de mon enfance*

*Tôi hồi tưởng tuổi thơ ngày trước
Đáy ly nào giọt nước ngủ yên
Trước khi giông bão muện phiền
Giấy cơn hy vọng cuối miền thơ ngây.*

Je songe aux métamorphoses Qui s'épanouissent dans un verre Comme l'espoir et la tristesse Je songe aux métamorphoses C'est ma destinée que je lis Dans les reflets

incertains Les jeux sont faits rien ne va plus C'est ma destinée que je lis

*Tôi nghĩ tới tháng ngày chuyển dịch
Những thay hình đổi dạng mở phơi
Trong ly nước mộng tuyết vời
Vời sâu dao động nổi đời giao thoa*

*Linh hồn định mệnh âm ba
Bóng vang khép mở đầu hoa mơ hồ
Hỡi ôi dẫu biển xô bờ
Hồn trong định mệnh bây giờ đọc ra.
(Sương Bình Nguyên)*

Quang Dũng

*Mai chị về em gửi gì không
Mai chị về nhớ má em hồng*

Chỉ hai câu đầu đã khiến người ta lạnh. Không có gì cả, không lời nào tha thiết, nhưng đúng như ông Huy Trân nói: “Thơ Quang Dũng ý đã nhiệt thành, cao đẹp, mà lời thơ lại êm ái gọi cảm vô cùng. Nói về thơ nhẹ nhàng, êm dịu, mà đọc tới đâu lâng lâng chết cả lòng đến đây, thì thi ca hiện đại chỉ có Quang Dũng.”

Thi ca hiện đại hay thi ca ngàn đời, thi ca Việt Nam hay thi ca thế giới – vâng – cũng chỉ riêng một Quang Dũng thôi.

*Mai chị về em gửi gì không
Mai chị về nhớ má em hồng
Đường đi không gió lòng sao lạnh
Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong*

Đó là chỗ sơn cùng thủy tận của ngôn ngữ. Ngôn ngữ thần tiên hiển hiện tinh thể một cách không thấy hình hài máu me đâu cả. Người ta đã bao đời đi tìm cõi huyền nhiệm của ngôn ngữ thơ. Mỗi phen trở về, mỗi phen như bó tay lắc đầu, tuyệt nhiên không biết ăn nói ra sao cả. Đành chỉ nói quanh co.

Và biết bao thi sỹ hoàng vĩ đã nghĩ rằng, nguyệt rằng, mình sẽ suốt đời không làm một vần thơ nào cả - một phen để hội cái chỗ dị thường trống trải vắng vẻ trong lời man mác thiên tiên kia.

Lại có những nhà tư tưởng như Heidegger, viết bao pho sách lịch kịch nêu bao câu chất vấn u ám, đáo cùng vẫn chỉ nhằm mục đích nhiếp dẫn tư tưởng tới chỗ mép bờ bất khả tư nghị của thi ca.

Nerval sau những lần thành tựu cõi miền ngôn ngữ đó, ông bèn lao mình vào cõi ẩn mật vô ngần của một nguồn siêu thực không tiếng không lời Les Chimères.

Apollinaire, sau phút dị thường bước lên tột đỉnh đam mê thiên nhiên kia, lập thời nhảy lùì làm thơ

theo thể thái bông lông tầm phào, bắt sá lam hồng tổ bạch.

Mai chị về em gửi gì không?

Câu hỏi cũng lửng lơ như lời đáp cũng lửng lơ. Hỏi mà cũng không hỏi, không nói, không ngó, không nhìn nhau...

Và chỉ sau khi lên ngựa, chia bào, con người mới để lòng mình bay tỏa khắp đường đi.

*Đường đi không gió lòng sao lạnh
Bụi vướng ngang đầu mong nhớ mong*

Tâm sự của người đi, nhưng nhan đề là kẻ ở. Kẻ ở hay người đi cũng một tâm tình ly biệt. Đi giữa không gian, thì cũng như đứng ở trên dâu biển. Lòng sao lạnh? Vì lòng mang chứa tất cả khoảng vắng lạnh? Vì lòng mang chứa tất cả khoảng vắng lạnh không gian... Và tiếng “mong nhớ mong” kia cũng chỉ vọng vào được trong không gian xa hút mà thôi.

Nghĩa là vọng trở lại vào lòng mình. Từ lòng mình tỏa vào lòng vũ trụ. Lại từ lòng vũ trụ dội lại lòng mình. Đó là cái vòng kỳ ảo của mong nhớ mong. Và mong nhớ mong mệnh mông như thế, thì mong nhớ mong là cõi của từ bi tế độ vậy.

Bởi vì nó mang hải lượng bao hàm. Nó bao dong rừng biển, sớm chiều, canh gà, sương hoa, càn hoang ngựa lạc. Nó đem thương mến phủ khắp hình hài vạn vật từ gần gũi tới xa tít dặm xa.

Quê chị về xa tít dặm xa

Vì đó là một quê hương nào riêng biệt nằm tại một bến bờ bỉ ngạn nào vô tức vô thanh, vô biên vô tế.

*Quê chị về xa tít dặm xa
Rừng thu chiều xao xác canh gà
Hoa rơi khắp lối sương muôn ngả
Ngựa lạc càn hoang qua lướt qua*

Ngựa lạc? Dẫu ngựa không lạc đường vẫn cứ là lạc nẻo. Nghĩa là: ở trong cõi hư không bao la như thế, thì đâu cũng là lênh đênh, nhưng lênh đênh theo nghĩa vô ngần: trụ vô sở trụ.

Người ngồi trên ngựa cũng lạc ngựa luôn. Hươu trong rừng cùng một cảnh ngộ lạc loài như nhau, lại tam trùng lạc lõng nhau, vì bất ngờ sợ hãi nhau, quay đầu bỏ chạy. Lời thơ lại thêm một chút niềm hoa vi tiếu “theo nó theo”.

Ngựa chị dừng bên thác trong veo

Nếu thác đục lầy cho một chút, ắt có phần gần gũi bụi hồng hơn. Nhưng tại sao thác lại trong veo sắc sảo ra như thế? Thì trần gian còn biết đem tâm sự hồng trần ký thác vào đâu? Đó là chỗ đạm nhiên huyền bí lộ hỏa thuần thanh vậy. Nó đốt cháy linh hồn bằng một tiếng trong veo. Nhưng đốt cháy mà đâu có bỏng da bỏng thịt. Nó cháy để thăng hoa cho linh

hồn về ba la mật, sau một phút linh hồn tạm dừng trong một phen tư lự. Vì dù sao trận giũ áo cũng còn vướng víu với nhân nghĩa nhân tình.

*Ngựa chị dừng bên thác trong veo
Lòng chị buồn khi nắng qua đèo
Nơi đây lá giạt vương chân ngựa
Hư chạy quay đầu theo gió theo*

Rồi xẽ xin khóc một cơn vô ngần cho trùng sinh trong vĩnh biệt:

*Rừng đêm nhòa bóng nhớ hoang mang
Ngựa chị dừng bên thác sao vàng
Sao rơi đáy nước vương churen ngựa
Buồn dâng đôi mi hàng lại hàng*

Ta lại gián tiếp với một sự tình kỳ dị. Nói ra là buồn dưng đôi mi hàng lại hàng, nhưng có bao giờ mới sâu mênh mông và hầu như vô đối tượng lại tràn ra thành hàng lệ. Nhưng đây là hàng lệ riêng biệt của hư không đi về vui chơi êm đềm với không hư thái thiên nhiên tĩnh tịch. Người ta có thể khóc, nhưng không phải khóc vì một mối đoạn trường riêng tây trong một cảnh ngộ nhất định.

Hoặc đâu có phải bạ đâu khóc đó như bọn thi sỹ trung niên. Người ta khóc từ chín kiếp khóc về; như trận mưa vốn từ thiên thu rớt hột. Vì thế nên gọi là hàng lại hàng. Vì thế nên có chuyện sao rơi đáy nước. Vì thế nên có chuyện sao vương churen ngựa. Churen ngựa ở đây cũng mang đủ trùng quan thời gian vũ trụ nên mới có thể chạm vào bóng sao rơi từ thời gian tinh thể rớt về. Người và ngựa và sao và nước bỗng nhiên như nhiên đã đi vào cõi chung vạn vật nhất thể. Thì từ đó trở lại với đoạn đầu, từ câu hỏi mông lung tới lời đáp nhẹ nhõm, niềm mong nhớ mong là một tặng vật không lời, không nhất định là riêng biệt của riêng ai trao gửi lại cho ai. Người chị và người em kia cũng không có tên tuổi nào được hạn định nơi đâu. Đó là hai đứa con của trời và đất đẻ ra trong một mùa xuân hôn phối. Thì mai chị về em gửi gì không, là gửi cho chị hay cho ai? làm sao ta dám quyết định? Chỉ biết rằng: chị hãy nhớ má em hồng. Nghĩa là: mùa xuân xanh còn tồn lưu mãi mãi trong mùa thu ly biệt. Đó là tặng vật của em trời trao chị đất – nhớ má em hồng là ký ức kỳ ảo Mnémesyne.

Chẳng hiểu sao đọc thơ Quang Dũng, Nguyễn Du, Hồ Dzếnh, Huy Cận, tôi thường nghĩ tới người Chiêm Thành. Tội lỗi ông cha chúng ta đối với dân tộc ấy kể cũng được chuộc phần nào, cũng như ngày xưa Homère đã giải oan cho người Troyens bị đắm chìm bởi người Hy Lạp.

Mấy bài thơ của Quang Dũng như giữ lại cho mọi người một niềm tương ứng mênh mông trong thời đại ngổn ngang oan nghiệt, thế giới cùng xô ừa nhau vào hủy diệt, tàn phá, trong những trận tẩu hỏa nhập ma. Chiến tranh trong thời Quang Dũng dù sao cũng còn để lại cho người một dư địa để hoài niệm nhớ thương nhau. Nhưng dần dà, chút tình thương còn sót cũng mất đi giữa hỗn độn. Lúc bấy giờ e chỉ còn cửa quỷ đối thoại với nhà ma. Quang Dũng cũng linh cảm sự đó, nên bài “Đôi Mắt Người Sơn Tây” khép lại với mấy tiếng “bao giờ, bao giờ” ngậm ngùi khôn tả:

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn?
Về núi Sài Sơn ngóng lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng*

*Bao giờ ta gặp em lần nữa
Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa
Đã hết sắc màu chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta*

Khoảng trống lại trở về ngập khắp mép bờ ngôn ngữ. Như muốn đánh chìm hết mọi lời thân thiết đã thốt ra. Chúng ta không còn biết phải giải thích thơ Quang Dũng ra sao được nữa cả.

Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa

Nhưng có lẽ ông không tin ở ngày ấy, ông không nghĩ rằng ngày nở hoa ấy sẽ về. Còn có bao giờ em nhớ ta? Nghĩa là không còn có bao giờ nữa cả? Chúng ta sẽ tiếp tục chết hết. Người ta sẽ tiếp tục giết nhau cho tới buổi chung cục thời gian. Cuộc chiến tranh ngày nay không còn chút gì giống như chiến tranh những thời đại trước. Có những cuộc chiến tranh huy hoàng như một trận mưa rào rực rỡ, làm hồi sinh con người trong tâm thức từ bi. Nhưng có những cuộc chiến tranh vốn từ trong tinh thể là làm tan rã tiêu diệt mất bản tính con người. Ngay cả con ngọm, con đười ươi cũng không còn sống sót một móng nào hết cả. Thì như thế? Còn có bao giờ em nhớ ta?

Người ta nhầm lẫn một cách kỳ quặc cái ý nghĩa sơ thủy của chiến tranh. Cuộc chiến tranh bao dung của những ông Nguyễn Huệ, chiến tranh bác ái của những ông Napoléon, chiến tranh đó không còn tự nhận diện ra mình nữa trong cuộc chiến tranh tàn phá ngày nay. Tolstoi ngày xưa chẳng hiểu gì về Napoléon hết cả, cũng như chúng ta ngày nay chẳng hiểu gì cả về cuộc chiến tranh của chúng ta. Thật là rắc rối. Còn có một chân lý dị thường ẩn tàng trong Dịch Kinh của Khổng Tử đang khiến mọi người tư tưởng ngậm ngùi không còn biết phải thốt bất cứ một lời gì trong hiện trạng năm châu. Bài thơ Quang Dũng hiện ra tại chỗ chênh vênh bát ngát và thâm nhất trong sử lịch con người. Nó chỉ đạm nhiên và thống thiết khơi rộng những khoảng trống vắng ra để cho mọi vấn đề được nhận định và tự tìm lời giải đáp.

Bàn luận quần mãi là vô lối. Chỉ nên thông dong đọc thơ như uống nước mía, như dõi theo cánh chuồn chuồn, như nằm ngủ gọi em Thúy Kiều em Thúy Vân em Đạm Tiên, em Hoạn Thư em Bạc Hạnh, em Sở Khanh, em Mã Giám Sinh, mọi mọi em em của em Tố Như Tử em Liệp Hộ em Thanh Hiên, em Hiền em Thánh, em Cảnh em Nhánh, em Trái Ót, em Muối Tiêu, em Soài Riêng sa rụng, em Bương Cấn em Sài Sơn...

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn
Về núi Sài Sơn ngóng lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng.*

Tuy nhiên riêng đối với học sinh đang tập đi thi để cuối năm cưới vợ thì chớ nên lẩn thẩn chiêm bao đọc thơ nhiều quá.

Huy Tường

Lại một tâm hồn thi sĩ thượng đẳng. Ông còn trẻ lắm chắc? Tập thơ ông còn vài vản vương vương cái gì. Nhưng nhiều bài thâm thiết khôn tả. Tôi kính yêu ông này như một hóa thân Thôi Hộ về hội diện ni cô hiện đại Việt Nam.

Tôi chưa dám bàn nhiều về ông. E số sàng chẳng? Chỉ xin ghi ra đây một bài thơ xuất thần nhập thánh đáo thiên tiên:

Nghe kinh

*Ướt hai tà áo nâu rồi
Bên chùa mục giọng kinh hồi lệch sang
Giọng chuông rơi thắm cỏ vàng
Nghe kia sư nữ vừa choàng áo tu
Tôi nằm ấp lá đêm thu
Mai sau nở trái sa mù pháp không*

Bùi Giáng

Những bài thơ “chuồn chuồn châu châu” của ông quả thật là có ý nghĩa. Nó bay nhẹ vi vu quả có đúng như là phận mỏng cánh chuồn. Vào những buổi sáng mùa đông lạnh lạnh ở Trung Việt, vào những buổi chiều mùa thu ở Bắc Hà, hình bóng những con chuồn chuồn bay lượn cuối ngõ, đầu xuân, quả thật là tha thướt. Đôi phen mắt cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vầng phồn hoa, mặc dù ở chồn phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn.

Bài thơ “Giữa phố” sau đây là một thí dụ :

*Thiên tiên đẹp cũng như người
Ngẫu nhiên kỳ ngộ miệng cười nửa môi
Miền xanh đứng bóng mặt trời
Cõi xanh cung nguyệt cạn lời cáo thơ*

*Đi qua làn gió xanh rờn
Đi về ở lại còn hơn xanh rì
Phút giây đê nặng như chì
Thoảng qua như mộng không kỳ hạn qua*

*Chiêm bao nàng ghé lại nhà
Môi cười nửa miệng như là ngẫu nhiên
Nửa môi còn ngậm phi tuyến
Tuyết pha in mặt thần tiên như người.*

Tuy nhiên vì Bùi Giáng là chỗ quen biết với tôi nên không tiện bàn luận chi nhiều. Chê thì mất lòng nhau. Mà khen thì mang tiếng “mẹ hát, con vỗ tay”.

Dù sao, bài sau đây cũng nên trích thêm vào tập:

*Bóng dương buồn ngủ qua chiều
Qua sông tại hạ toan liễu dấn thân
Đường sông bóng đổ cơ trần
Gấm chông gai ấy ai từng đạp qua
Ghi môi cơn mộng la đà
Tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng
Nửa vời trắng rộng mộng lung
Đường hoa nghi hoặc tháp tùng ni cô*

Kiên Giang

“Lành mạnh, thanh cao, vị tha và ái quốc”. Ông Thiều Sơn nói không sai một tấc một ly nào cả, khi giới thiệu thơ Kiên Giang.

Ông Kiên Giang tuyệt nhiên “không cầu kỳ, không giả tạo” mà đạt tới chỗ sâu thẳm nhất trong linh hồn mọi người, một cách thuần nhiên.

Bàn giải thơ ông là làm công việc thừa, vô ích. Chỉ xin chậm rãi chép ra đây nhan đề những bài thơ trong quyển *Quê Hương Thơ Ấu* của ông:

Hơi Mệ
Thuở Lên Ba
Củ Co, Nét Đồ
Rau Vớ Chữ
Đánh Vân Cầm
Chơi Nhà Chòi
Chim Bay Cò Bay
Thả Diều
Ngựa Trúc
Manh Lụa Mo Cau
Đồng Xu Giấy Chặm
Tà Áo Tím
Đồng Tiền Duyên
Con Chờ Đền Chợ
Niềm Khuya
Giấc Ngủ Thiên Thần
Hương Tuổi Ngọc
Gối Khuya
Năm Lần Dứt Sữa
Tình Trắng
Tóc Thề Xứ Huế
Tiếng Vỡng Chìm
Bong Bóng Màu
Cô Hàng Bông Cỏ
Gánh Hát Cúng Đình

Kẻ Bụi Đồi
Tuổi Thơ Heo Hắt
Đếm Sao Vô Hình
Tuổi Trăng Tròn
Sa Mạc Trắng
Học Sinh Và Tổ Quốc
Những Trang Sách Cũ
Gió Bắc Hiu Hiu
Niềm Riêng

Quê Hương Thơ Ấu của Kiên Giang sẽ nằm trong nước Việt như Kinh Thi nằm trong nước Tàu. Một quê hương bình dị thiết tha, và hình như chúng ta đang đánh mất. Chỉ kêu gọi về trong những trận chiêm bao.

Nguyễn Du và Hegel

Hegel - Ngài làm thơ rất khá, tuy nhiên ta cũng lấy làm tiếc cho ngài.

Nguyễn Du - Tiếc gì thế Hegel?

Hegel - Tiếc rằng ngài vay mượn truyện Tàu, và ngôn ngữ Tàu. Té ra ngài chả có tinh thần sáng tạo.

Nguyễn Du – Các hạ còn điều gì chỉ giáo thêm cho chẳng?

Hegel – Có chứ. Ta khuyên ngài nên gắng thử dựng nên một triết thuyết mới mẻ cho dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Du – Còn gì nữa chẳng?

Hegel – Còn chứ. Ta khuyên ngài hãy gắng tìm hiểu triết thuyết của ta, thì mới mong mai sau tiến bộ nhanh chóng.

Tản Đà

Nếu tiên sinh còn sống, ắt tại hạ xin được phép cùng tiên sinh nhậu nhẹt một trận lu bù. Thơ của tiên sinh làm, chẳng có chi xuất sắc. Nhưng bản dịch “Trường Hận Ca” của tiên sinh quả thật là vô tiền khoáng hậu.

Walt Whitman

Ngài là một bậc thánh chịu chơi. Thơ của Ngài tuôn trào cuộn cuộn như ngôn ngữ Hoa Nghiêm Kinh. Ngài nghĩ sao về nền văn minh ngày nay trong xứ sở của Ngài? Chắc Ngài chẳng lấy làm chi hài lòng cho lắm?

Emily Dickinson

Cô nương là một tiên nữ lạc lối ghé về trần gian. Cô nương làm thơ vừa như cho anh hoa phát tiết, lại vừa như ghìm ẩn mặt tinh thể mình, không chịu để cho thiên hương bốc hơi ra ngoài...

Chỗ kín đáo đó của cô nương càng khiến cho kẻ phạm tục choáng váng tê mê mất ăn mất ngủ.

Dylan Thomas

Nhà thơ phiêu bồng ríu rít nhất của Tây Phương. Thơ đại nhất và u sầu nhất. Đọc thơ ngài, kẻ phiêu bồng đành phải bó tay, không còn tìm đâu ra một cõi phiêu bồng khác để bước.

Tạ Ký

Bây giờ tôi muốn nói đến một người bạn. Thì tôi có cảm tưởng rằng những điều tôi nói quanh quẩn mấy năm nay về thơ, đều có thể đem trao cho người bạn ấy. Thơ Tạ Ký đủ mọi màu sắc. Cay đắng, náo nùng, thơ ngây, thấm thiết. Lời thơ lúc thật cũ, lúc thật mới, lúc như làn kiếm vụt ngang, lúc mơ hồ lãng đãng. Anh sống ở mọi giai tầng xã hội, xuống lên, lên xuống, ngõ quạnh, đường cong, phồn hoa, thôn ỏ, nơi nào cũng thấy phảng phất hình bóng anh. Vậy tôi còn biết nói sao.

Chỉ xin chép ra đây một ít tuyệt phẩm vậy. Kẻ tình nhân sẽ đọc, cũng như người nhớ quê sẽ nhìn. Con nhớ mẹ, anh nhớ em, học sinh du học viết thư về ngõ ý với gia đình... ruộng đồng ngõ ý với đô thị... sa mạc trao ân tình về cho biển, cho non... Thượng Đế ở trời xanh cũng ngậm ngùi đưa mắt xuống, đăm chiêu nhìn những đường ngang, lối dọc, ngõ hẻm trần gian, những mùi hương, những meo mốc.

(Rủi sao, tập thơ của anh, tôi bỏ lạc đâu mất, tìm không ra để chép vào đây).

Viết thêm:

Sau nhiều đêm biến động, đọc lại thơ Tạ Ký, càng nhận rõ những âm thanh nồng hậu của riêng anh. Những nỗi vui nhẹ nhất, cũng như những nỗi buồn sâu xa nhất trong tâm tình con người thời đại này, đã được anh nói lên một cách chân thành thâm thiết.

Giữa một thành phố ngổn ngang, khí hậu tàn nhẫn nấu nung bức vách, thỉnh thoảng gặp nhau vài giờ, trao đổi vài mẩu chuyện vu vơ, rồi mỗi người quay đi mỗi ngã, nghe cuộc sống của mình dần dà xế bóng...

Nhưng lớp người sau chúng ta sẽ về, họ sẽ còn đau khổ hơn chúng ta – làm sao nghi ngờ điều đó - họ sẽ đọc thơ anh Tạ Ký như thế nào?

Thùy Dương Tử

Ông Thùỵ Dương Tử là một nhân vật tài tử riêng biệt ngậm ngùi. Ông vốn người Quảng Nam nhưng lại chẳng hề có cái chất bướng bỉnh của người Quảng Nam. Ông chỉ thừa thu riêng cái chất thuần phác của xứ Quảng yêu dấu mà thôi.

Thùỵ Dương Tử hiền hòa, bình đạm, thơ ngây, tha thiết âm thầm. Chẳng bao giờ lên tiếng nói thị phi gì hết cả.

Xin chép ra vài bài:

*Về đây giấc ngủ thiên thu
Quên đi bóng dáng sương mù tuyết cao
Âm thanh chẻ tuổi hôm nào
Giờ gay gắt gọi chiêm bao chưa về
Giật mình nóng lạnh giường se
Bàn tay nhiều chỉ mình nghe tự mình*

Tôi thiết tưởng một thanh niên hai mươi lăm tuổi viết một vãn thơ thăm thẳm đến như thế ắt phải khiến phụ nữ kinh hoàng không dám bén mảng tới thăm.

Và ắt có kẻ vừa quá yêu thương vừa quá kính hãi, không biết làm sao, đành mượn liều đọc được quyền sinh và để lại trên bàn ở cạnh đầu giường một vãn thơ tuyệt bút:

*Nợ tình chưa trả cho ai
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan*

Hoặc:

*Tái sinh chưa dứt hương thề
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.*

Hoặc cũng có thể là:

*Dạ đài cách mặt khuất lời
Rẫy xin chén nước cho người thác oan*

Hoặc hơn nữa:

*Bây giờ trâm gãy gương tan
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân*

Sau đây là một bài nữa của Thùỵ Dương Tử:

*Tôi nay nằm ngửa nghe mưa
Âm thanh vút ngược lại vừa buồn thiu
Làm thơ trong bóng mù khơi
Khắt khe càng lắm yêu đời càng thâm
Cô đơn áp ủ bên lòng
Mưa rơi buồn chết gọi âm thanh về
Yêu đời nên mãi điên mê*

*Se đau từng phút kéo về trăm năm
Buồn hiu hắt nên nỗi buồn thiu
Giải sao hết được những điều thực hư.*

Chúng ta tự hỏi: làm sao một thanh niên trẻ dại có thể viết nên những câu thơ tồn lập tại Khoảng Vắng Lặng mà suốt Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du đã mở ra và bỏ lửng tại đó?

*Tuổi xanh già trước tháng ngày
Mắt xanh già trước niềm đau hiện về*

Anh viết câu thơ như thế cho ai nghe? Mọi nhân vật thượng đặng của Nguyễn Du sẽ nghĩ sao? Giác Duyên nghĩ sao? Tam Hợp Đạo Cô nghĩ sao? Từ Hải nghĩ sao? Kim Trọng nghĩ sao? Thúy Vân nghĩ sao? Không ai dám nghĩ sao hết cả. Mọi người nhắm mắt lắc đầu. Rồi tiếp tục nâng chén rượu bù ngùi uống cạn một hơi, khẽ mời ông Lý Bạch đọc tiếp:

*Đi về thăm viếng thị thành
Bàn tay nắm cũ mọc nhành xương khô
Đi về còn vọng sông hồ
Bài ca tình ái phương mô tim nàng
Đi về vườn cũ tan hoang
Thương trăng thiếu phụ úa tàn đời xuân*

Anh âm thầm cảm thương quê hương vườn cũ, anh âm thầm thương cảm một vong hồn đau đớn thiết tha Quách Thoại. Mọi người chết giữa xuân xanh hãy ngậm cười chín suối. Tôi chép bài thơ Thù Dương Tử ra đây để cho những oan hồn kia đọc:

*Kinh kỳ bụi hút xe đi
Thành đô nóng nực da chì nám da
Chốn này về có mình ta
Trẻ thơ òa khóc người già gậy khua
Âm thanh phá vỡ tuổi mùa
Ngày đi xuân lụn âm thừa vọng lâu
Bờ khuya đổ bến giang đầu
Người con gái khóc vó câu biệt mù
Trăng về ngự đỉnh non thu
Nửa dòng sông bạc sa mù tiết đông.*

Những vần thơ như thế, ai dám đặt bút phê bình giảng giải? Những bài viết ra đâu có phải là làm văn nghệ chuyên môn? Phải là táng tận lương tâm mới có thể cầm cây bút học giả chen vào phân tích.

*Lên cao nhìn tuổi núi sông
Lại về đồng cỏ tắm giòng hạ lưu
Tìm em mưa bão tháng mười
Cuối đông bông biển sang thu lên đồi
Từ em hồng phận hoa khô
Rớt rơi kỷ niệm mà tôi biệt từ*

Không một lời dư. Không một tiếng thiếu. Tưởng chừng đó là mấy lời tuyệt bút của Hồng Sơn Liệp Hộ, một đêm nào nằm ngửa mặt ngó trời trăng tịch mịch và nguyện cầu dâu biển hãy buông tha...

*Chiêm bao ngựa trắng phi về
Mây che thân thể em về hư không
Nửa đêm thức giấc phiêu bồng
Tóc bay mùa cũ chế lòng nhớ thương*

Dâu biển ôi! Phong tình cổ lục ôi! Sự tình như thế nào như thế. Còn đâu nữa một vản tái tạo, một khúc tái tân thanh. Chỉ còn tịch mịch hư không.

*...Đêm
Con đé kêu
Buồn đêm vắng
Buồn đêm mưa...*

Nhưng làm sao dừng lại. Dư vang con đé gọi vẫn kéo dài suốt kiếp chúng ta. Kéo dài suốt giang san nước Việt.

*Mật mờ xe đổ đèo cao
Nẻo xa xứ Quảng lối vào Quy Nhơn
Phố khuya mưa lệch sông hờn
Ếch ương kêu với đồng tròn quê nghèo
Một mình thui thủi lần theo
Rạ tranh nhà vắng buồn teo lúc về
Lạnh lòng Đà nắng mưa gieo
Về thăm quê nội chữ nghèo xác xơ*

Bước chân lữ thứ khôn hàn bỏ lại cho mai sau những âm thanh gì như thế:

*Dép mo cau áo vải còn thương
Mùa cau trở với mía đường tân cư
Thu Bồn Bến Cát thừa dư
Chín năm kháng chiến mình như già rồi*

*Anh hỏi mình quê ở đâu
Mình quê ở dưới bầu trời bao la
Tháng năm với tuổi không nhà
Chợt nghe dĩ vãng lòng ta cũng buồn*

*Vườn xưa hoa lá ngập đầy
Vết tay chín móng đã dày rêu in
Ta về gió lạc cung tin
Cho năm tháng lớn đi tìm đau thương*

Viết chưa xong bài, đã phải bồi hồi dừng lại: cho năm tháng lớn đi tìm đau thương... Không

tim, đau thương vẫn cứ đến. Nó đến tràn lan, thы sỹ lại còn đòi đi tìm thêm nữa.

*Thời gian chẻ tuổi nhớ mong
Tóc bay chẻ gió giục lòng đảo điên
Em về giấc ngủ linh thiêng
Vành môi khép mở xa miền nhân gian*

Bỗng lời thơ đổi giọng. Vẫn là lục bát. Nhưng mang mang quá khứ Đường Thi:

*Ngủ yên giấc ngủ bình yên
Cho ta hôn nhé lên triền môi em
Rạc rời tàu hú trong đêm
Lung đèo khói bụi chào em ga này*

Riêng bốn câu với tiếng chào không thanh âm vọng lại, ắt phải làm thiên tài Lữ Thiêng chết lặng linh hồn.

*Lên non vút bỏ sự đời
Hút âm thanh lại ngồi chơi một mình
Lấy mây làm sợi tơ hồng
Mây bay trăm nẻo như lòng đứt tim*

Bây giờ không chỉ riêng một thiên tài nào linh hồn chết lặng. Mọi mọi người người kẻ kẻ theo gót mọi thiên tài, đều cùng mọi thiên tài hiền thánh cùng nhau đứt tim rã máu. Ta lại nhớ tới lời Mộng Liên Đường Chủ Nhân:

“Tố Như Tử có tám lòng nghĩ suốt cả nghìn đời...”

Những người công kích thơ một cách bừa bãi lung tung, chẳng qua chỉ là lâm phải tình trạng “có đặng đường, nhưng chưa nhập thất”.

Trái lại, bọn thы sỹ chân chính là những kẻ bẩm sinh là “nhập thất” và có lẽ chẳng bao giờ bận tâm với chuyện “đặng đường”.